

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 892 /QĐ-ĐHYD ngày 11 tháng 2 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt) : Y học dự phòng
- Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh) : Preventive Medicine
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Định hướng đào tạo : Nghề nghiệp
- Mã ngành đào tạo : 7720110
- Thời gian đào tạo : 6 năm
- Loại hình đào tạo : Chính quy

B. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Y học dự phòng nhằm đào tạo người học trở thành bác sĩ Y học dự phòng có ý thức, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về y học dự phòng để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề sức khỏe cá nhân và cộng đồng, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học và nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

• Kiến thức

PO1. Trang bị cho người học nền tảng kiến thức cơ bản và chuyên môn vững chắc về y học cơ sở, y học lâm sàng, y học dự phòng và y tế công cộng để giải quyết các vấn đề sức khỏe cá nhân và cộng đồng.

• Kỹ năng

PO2. Phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp, bao gồm phân tích yếu tố nguy cơ, phòng chống bệnh, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, thực hành lâm sàng cơ bản và ứng dụng nghiên cứu khoa học, công nghệ số trong các hoạt động chuyên môn và quản lý trong lĩnh vực y tế dự phòng.

• Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO3. Hình thành phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, đảm bảo an toàn sinh học, kiểm soát nhiễm khuẩn đồng thời phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, hợp tác liên ngành và học tập suốt đời để thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức	
1.1	Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế	
PLO1	Vận dụng kiến thức về giáo dục chính trị, an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất, ngoại ngữ và công nghệ số trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.	III

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PI01.1	Kiến thức về giáo dục chính trị: Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống và nghề nghiệp.	III
PI01.2	Kiến thức về Quốc phòng – An ninh: có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; vận dụng được các kiến thức quốc phòng-an ninh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	III
PI01.3	Kiến thức về giáo dục thể chất: Có chứng chỉ Giáo dục thể chất, có sức khỏe để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.	III
PI01.4	Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp	III
PI01.5	Kiến thức về Công nghệ thông tin: Đạt trình độ công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Khung năng lực số cho người học quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	III
1.2	Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo và nhóm ngành	
PLO2	Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y tế công cộng, y học lâm sàng và khoa học dự phòng trong phòng bệnh và các vấn đề sức khỏe cộng đồng.	III
PI02.1	Kiến thức về xác suất - thống kê y học, tin học, nhà nước và pháp luật.	III
PI02.2	Kiến thức về cơ sở khối ngành	III
PI02.3	Kiến thức về y tế công cộng	III
PI02.4	Kiến thức về khoa học dự phòng	III
PI02.5	Kiến thức về tiếng Anh chuyên ngành	III
1.3	Kiến thức ngành/chuyên ngành, bổ trợ, thực tập và tốt nghiệp	
PLO3	Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và y học lâm sàng trong lập luận cơ chế bệnh sinh, khám, chẩn đoán, xử trí cấp cứu ban đầu và quản lý các bệnh thường gặp và bệnh nghề nghiệp, bệnh liên quan đến nghề nghiệp tại cơ sở y tế.	III
PI03.1	Kiến thức về y học cơ sở	III
PI03.2	Kiến thức về y học lâm sàng	III

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PI03.3	Kiến thức về nguyên lý y học gia đình	III
PI03.4	Áp dụng trong lập luận cơ chế bệnh sinh, khám, chẩn đoán, xử trí cấp cứu ban đầu, các bệnh thường gặp và trong các bối cảnh cụ thể liên quan bệnh nghề nghiệp, bệnh liên quan đến nghề nghiệp	III
2	Kỹ năng	
2.1	Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề	
PLO4	Xác định các yếu tố nguy cơ, nhu cầu chăm sóc sức khỏe cộng đồng và đề xuất giải pháp.	III
PI04.1	Thu thập, phân tích thông tin, phát hiện các yếu tố nguy cơ và nguyên nhân của các vấn đề sức khỏe cộng đồng và y tế công cộng.	III
PI04.2	Đề xuất biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch và triển khai thực hiện các chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe người bệnh, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường.	III
PI04.3	Khả năng tự lập luận tư duy giải quyết vấn đề về sức khỏe cộng đồng và y tế công cộng.	III
PLO5	Điều tra, ứng phó và giải quyết hậu quả dịch bệnh và các tình huống thảm họa.	IV
PI05.1	Tham gia điều tra dịch tễ, giám sát dịch bệnh và các tình huống thảm họa	IV
PI05.2	Xây dựng và thực hiện kế hoạch giải quyết hậu quả của dịch bệnh và ứng phó thảm họa	IV
PI05.3	Thực hiện báo cáo và hỗ trợ triển khai y tế khẩn cấp	IV
2.2	Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức	
PLO6	Kiểm soát hiệu quả nhiễm khuẩn và đảm bảo an toàn sinh học trong cơ sở y tế.	III
PI06.1	Quản lý các hoạt động kiểm soát nhiễm khuẩn tại cơ sở y tế	III
PI06.2	Thực hiện phòng ngừa nhiễm khuẩn và xử lý chất thải y tế	III
PI06.3	Đảm bảo an toàn sinh học và xử lý sự cố tại cơ sở y tế	III
PLO7	Đào tạo, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực y tế dự phòng, lĩnh vực sức khỏe liên quan và liên ngành.	III
PI07.1	Tham gia hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng	III
PI07.2	Nghiên cứu khoa học về lĩnh vực y tế dự phòng, lĩnh vực sức khỏe liên quan và liên ngành	III
PI07.3	Ứng dụng hiệu quả công nghệ số trong thực hành nghề nghiệp	III
2.3	Kỹ năng tư duy hệ thống	
PLO8	Thiết lập kế hoạch, triển khai, giám sát, đánh giá các hoạt động y tế dự phòng và can thiệp nâng cao sức khỏe ở cộng đồng.	IV
PI08.1	Lập kế hoạch, quản lý, huy động nguồn lực và triển khai hoạt động dự phòng và can thiệp nâng cao sức khỏe.	IV

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PI08.2	Tổ chức thực hiện các dịch vụ Y tế dự phòng ở cộng đồng và cơ sở y tế, đặc biệt hướng đến các nhóm nguy cơ cao.	IV
PI08.3	Tham gia triển khai các chương trình phòng chống bệnh không lây nhiễm, bao gồm quản lý, sàng lọc, phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ, thực hiện can thiệp dự phòng tại cộng đồng và cơ sở y tế, đặc biệt cho các nhóm nguy cơ cao.	IV
PI08.4	Kiểm soát các yếu tố hành vi, môi trường (tự nhiên và xã hội) và cộng đồng có ảnh hưởng nguy hại đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng.	IV
PI08.5	Thực hiện hoạt động tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe về các biện pháp phòng bệnh, sử dụng dịch vụ y tế dự phòng, và thực hiện biện pháp nâng cao sức khỏe cộng đồng.	IV
2.4	Kỹ năng nghề nghiệp	
PLO9	Phòng chống và quản lý bệnh truyền nhiễm, không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp, bệnh liên quan đến nghề nghiệp và tai nạn thương tích.	IV
PI09.1	Phân tích mối liên quan giữa các yếu tố nguy cơ, sự xuất hiện của bệnh, dịch bệnh cũng như giải thích được nguy cơ phát triển các vấn đề sức khỏe thường gặp.	IV
PI09.2	Triển khai thực hiện vệ sinh phòng bệnh và phòng chống dịch bệnh.	IV
PI09.3	Quản lý, tư vấn, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp, bệnh liên quan đến nghề nghiệp và tai nạn thương tích cho người lao động.	IV
PLO10	Khám, chẩn đoán, xử trí cấp cứu ban đầu, kê đơn điều trị các bệnh thường gặp, bệnh nghề nghiệp và bệnh liên quan đến nghề nghiệp tại cơ sở y tế.	III
PI10.1	Thực hiện khám, chẩn đoán, xử trí cấp cứu ban đầu các bệnh thường gặp, bệnh nghề nghiệp và bệnh liên quan đến nghề nghiệp.	III
PI10.2	Thực hiện phân loại sức khỏe, kết luận hồ sơ khám sức khỏe cộng đồng và kết luận khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động.	III
PI10.3	Quản lý bệnh thường gặp và bệnh nghề nghiệp theo nguyên lý y học gia đình	III
PI10.4	Chỉ định, thực hiện và đánh giá được một số xét nghiệm, thăm dò và thủ thuật điều trị theo quy định.	III
PI10.5	Sử dụng các thiết bị y khoa cơ bản trong sơ cứu và cấp cứu một số vấn đề sức khỏe thường gặp.	III
PI10.6	Chăm sóc, tư vấn và truyền thông giáo dục sức khỏe cho người bệnh trong quá trình điều trị, theo dõi người bệnh, điều trị và dự phòng bệnh tật, phục hồi chức năng và nâng cao sức khỏe.	III
3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
3.1	Tự chủ và trách nhiệm với cá nhân, nghề nghiệp	

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PLO11	Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn đạo đức nghề nghiệp.	IV
PI11.1	Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.	IV
PI11.2	Hành nghề theo chuẩn mực nghề nghiệp, quy định Pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, phù hợp với bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội và điều kiện thực tế.	IV
PI11.3	Tôn trọng, cảm thông và tận tụy phục vụ người bệnh; quan tâm đến sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.	IV
3.2	Tự chủ và trách nhiệm với xã hội	
PLO12	Thể hiện tính chuyên nghiệp, hợp tác hiệu quả, học tập liên tục và phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực y tế dự phòng.	IV
PI12.1	Năng lực tự học, làm việc độc lập hoặc khả năng làm việc nhóm trong công việc hàng ngày; có tinh thần nghiên cứu khoa học.	IV
PI12.2	Tôn trọng và chân thành lắng nghe ý kiến của người bệnh và cộng đồng về các nhu cầu sức khỏe và các giải pháp can thiệp nhằm nâng cao sức khỏe cá nhân và cộng đồng.	IV
PI12.3	Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp và hợp tác liên ngành.	IV

Ghi chú: Trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mức độ đối với nhóm thang đo kiến thức (Bloom, 2001)	Mô tả
I	Nhớ	Có khả năng tìm kiếm và nhớ
II	Hiểu	Có hiểu biết/có thể tham gia
III	Vận dụng	Có khả năng vận dụng
IV	Phân tích	Có khả năng phân tích
V	Đánh giá	Có khả năng đánh giá
VI	Sáng tạo	Có khả năng sử dụng thông tin để sáng tạo cái mới

3. Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào)

3.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức)

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

3.2. Đối tượng dự tuyển quy định phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế.

Căn cứ Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

Căn cứ Quyết định số 5129/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

5. Cấu trúc của chương trình đào tạo

Stt	Mã HP	Nội dung chương trình	Tổng số ĐVTC	Phân bố	
				Lý thuyết	Thực hành
		Kiến thức giáo dục đại cương	40	34	6
		1.1. Các môn chung:	23	23	0
1	101.DHY.1.00.2	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học	2	2	0
2	101.DHF.1.00.7	NNCB: Theo Quyết định 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 về chuẩn đầu ra năng lực Ngoại ngữ không chuyên	7	7	
3	101.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
4	101.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
5	101.LLCT.1.03.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
6	101.LLCT.1.04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
7	101.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
8	110.DHF.1.01.3	Tiếng Anh chuyên ngành	3	3	0
		1.2. Các môn cơ sở khối ngành:	17	11	6
9	110.KCB.2.01.2	Sinh học tế bào	2	1	1
10	110.KCB.2.02.2	Lý sinh	2	1	1
11	110.KCB.2.03.2	Hóa học	2	1	1
12	DHH-AI.01	Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng	3	2	1
13	110.KCB.2.05.2	Xác suất - Thống kê y học	2	1	1
14	110.DTR.2.01.2	Di truyền	2	1	1
15	110.YCC.2.01.2	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	2	0
16	110.DHA.2.02.2	Nhà nước và Pháp luật	2	2	0
		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	135	64	71
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành:	43	25	18
17	110.GPH.3.01.4	Giải phẫu học	4	2	2
18	110.MPH.3.01.3	Mô phôi	3	2	1

Stt	Mã HP	Nội dung chương trình	Tổng số ĐVTC	Phân bố	
				Lý thuyết	Thực hành
19	110.SLY.3.01.3	Sinh lý	3	2	1
20	110.SHY.3.01.2	Hóa sinh	3	2	1
21	110.VSY.3.01.3	Vi sinh y học	3	2	1
22	110.KST.3.01.3	Ký sinh trùng	3	2	1
23	110.GPB.3.01.2	Giải phẫu bệnh	2	1	1
24	110.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1
25	110.SLB.3.01.3	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	1
26	110.CDH.3.01.2	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1
27	110.DLY.3.01.3	Dược lý và Độc chất	3	2	1
28	110.YCC.3.02.2	Thông kê y học	2	1	1
29	110.YCC.3.03.4	Sức khỏe môi trường	4	2	2
30	110.YCC.3.04.2	Dịch tễ học 1	2	1	1
31	110.YCC.3.05.4	Khoa học hành vi và GDSK	4	2	2
		2.2. Kiến thức ngành:	92	39	53
32	110.PDT.4.01.2	Tiền lâm sàng 1 (Nội - Ngoại)	2	0	2
33	110.PDT.4.02.2	Tiền lâm sàng 2 (Sản - Nhi)	2	0	2
34	110.NGO.4.01.3	Ngoại cơ sở	3	2	1
35	110.NGO.4.02.4	Ngoại bệnh lý	4	2	2
36	110.NOI.4.01.4	Nội cơ sở	4	2	2
37	110.NOI.4.02.4	Nội bệnh lý	4	2	2
38	110.SAN.4.01.4	Phụ sản	4	2	2
39	110.NHI.4.01.4	Nhi	4	2	2
40	110.PHC.4.01.2	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	1	1
41	110.PDT.4.03.4	Y học cổ truyền, Ung thư và Da liễu	4	1	3
42	110.PDT.4.04.4	Mắt, Tai Mũi Họng và Răng Hàm Mặt	4	1	3
43	110.PDT.4.05.3	Thần kinh và Tâm thần	3	1	2
44	110.PDT.4.06.4	Truyền nhiễm và Lao	4	2	2
45	110.CCK.4.06.3	Cấp cứu đa khoa và hồi sức ban đầu	3	1	2
46	110.YGD.4.01.2	Giáo dục liên ngành	2	1	1
47	110.YCC.4.07.2	Kinh tế y tế	2	1	1
48	110.YCC.4.08.3	Tổ chức và quản lý y tế	3	2	1
49	110.YCC.4.09.2	Nhân học y tế	2	1	1
50	110.YCC.4.10.2	Sức khỏe lứa tuổi	2	1	1
51	110.YCC.4.11.3	Sức khỏe nghề nghiệp	3	1	2
52	110.YCC.4.12.3	Dịch tễ học 2	3	2	1
53	110.YCC.4.13.4	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	4	2	2
54	110.YCC.4.14.4	Dân số, Sức khỏe sinh sản	4	2	2
55	110.YCC.4.15.4	Thực tập Y học dự phòng I	4	0	4
56	110.YCC.4.16.3	Thực tập Y học dự phòng II	3	0	3
57	110.YCC.4.17.2	Vaccin	2	1	1

Stt	Mã HP	Nội dung chương trình	Tổng số ĐVTC	Phân bố	
				Lý thuyết	Thực hành
58	110.YCC.4.18.2	Bệnh nghề nghiệp	2	1	1
59	110.YCC.4.19.4	Các chương trình Y tế Quốc gia - Quản lý các chương trình và dự án y tế	4	2	2
60	110.YCC.4.20.2	Kỹ năng phân tích số liệu định lượng sử dụng các phần mềm thống kê chuyên dụng	2	1	1
61	110.YCC.4.21.3	Dinh dưỡng tiết chế	3	2	1
		2.3. Kiến thức bổ trợ (tự chọn):	9	5	4
		Tổ hợp 1	9	5	4
62	110.PDT.5.07.3	Bệnh lý Nội - Nhi thường gặp tại cộng đồng	3	1	2
63	110.YCC.5.22.3	Dịch tễ học thực địa cơ bản	3	2	1
64	110.YGD.5.01.3	YHGD	3	2	1
		Tổ hợp 2	9	5	4
65	110.PDT.5.08.3	Bệnh lý Ngoại - Sản thường gặp tại cộng đồng	3	1	2
66	110.YCC.5.23.3	Đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe	3	2	1
67	110.YCC.5.24.3	Y học thảm họa - Dinh dưỡng cộng đồng	3	2	1
		2.4. Dự án học thuật và Tốt nghiệp:	10	4	6
		1. Dự án học thuật (3đvtc)	5	1	4
68	110.YCC.4.06.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
69	110.YCC.4.25.2	Đề tài khoa học/ khóa luận	3	0	3
		2. Tốt nghiệp (5đvtv)	5	3	2
70	110.YCC.4.26.2	Lý thuyết tốt nghiệp	3	3	0
71	110.YCC.4.27.2	Thực hành tốt nghiệp	2	0	2
		TỔNG CỘNG	194	107	87
III		Các học phần thay thế			
1	110.YCC.5.28.3	Y học lao động	3	2	1
2	110.YCC.5.29.3	Giám sát môi trường	3	2	1
3	110.YCC.5.30.3	Đô thị hóa và sức khỏe	3	2	1
4	110.YCC.5.31.3	Y học thể thao	3	2	1
5	110.YCC.5.32.3	Sức khỏe ngư dân	3	2	1
6	110.YCC.5.33.3	Đánh giá hoạt động y tế	3	2	1
7	110.YCC.5.34.3	Thiết kế dự án y tế	3	2	1
8	110.YCC.5.35.3	Quản lý vấn đề lây nhiễm HIV ở cộng đồng	3	2	1
9	110.YCC.5.36.3	Quản lý dịch và thảm họa	3	2	1
10	110.YCC.5.37.3	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực y tế	3	2	1

Stt	Mã HP	Nội dung chương trình	Tổng số ĐVTC	Phân bố	
				Lý thuyết	Thực hành
11	110.YCC.5.38.3	Sức khỏe tình dục	3	2	1

Ghi chú: Trong tổng số 194 tín chỉ có 07 tín chỉ Ngoại ngữ không chuyên và 02 tín chỉ Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục Y học và khung năng lực số cho người học không tính điểm xếp loại trung bình chung học tập.

6. Cách thức đánh giá

Căn cứ Phụ lục 2 Quy định kiểm tra, đánh giá học phần ban hành kèm theo Quyết định số 5129/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

8. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra

St t	Mã HP	Nội dung học phần	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG							NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
		Kiến thức giáo dục đại cương												
		1.1. Các môn chung:												
1	101.DHY.1.0 0.2	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học	X								X	X	X	X
2	101.DHF.1.00 .7	NNCB: Theo Quyết định 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 về chuẩn đầu ra năng lực Ngoại ngữ không chuyên	X								X	X	X	X
3	101.LLCT.1.0 1.3	Triết học Mác - Lênin	X								X	X	X	X
4	101.LLCT.1.0 2.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X								X	X	X	X
5	101.LLCT.1.0 3.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X								X	X	X	X

[illegible]

17	110.GPH.3.01 .4	Giải phẫu học			X	X								
18	110.MPH.3.0 1.3	Mô phôi		X							X	X		
19	110.SLY.3.01 .3	Sinh lý		X	X			X		X		X		
20	110.SHY.3.01 .2	Hóa sinh		X	X							X		
21	110.VSY.3.01 .3	Vi sinh y học		X	X	X				X	X			
22	110.KST.3.01 .3	Ký sinh trùng		X	X			X			X	X		
23	110.GPB.3.01 .2	Giải phẫu bệnh			X							X	X	X
24	110.KDD.3.0 1.2	Điều dưỡng cơ bản		X	X	X		X				X	X	X
25	110.SLB.3.01 .3	Sinh lý bệnh - Miễn dịch			x			x			x			
26	110.CDH.3.0 1.2	Chẩn đoán hình ảnh			X							X	X	X
27	110.DLY.3.0 1.3	Dược lý và Độc chất		X	X	X				X		X	X	X
28	110.YCC.3.0 2.2	Thống kê y học		X		X	X		X		X		X	X
29	110.YCC.3.0 3.4	Sức khỏe môi trường		X		X			X	X	X		X	X
30	110.YCC.3.0 4.2	Dịch tễ học 1		X		X			X	X			X	X

[illegible]

44	110.PDT.4.06 .4	Truyền nhiễm và Lao			X	X	X	X	X	X	X			
45	110.CCK.4.0 6.3	Cấp cứu đa khoa và hồi sức ban đầu			X		X		X					
46	110.YGD.4.0 1.2	Giáo dục liên ngành									X			
47	110.YCC.4.0 7.2	Kinh tế y tế		X					X	X			X	
48	110.YCC.4.0 8.3	Tổ chức và quản lý y tế		X		X	X		x	X	X	X	X	X
49	110.YCC.4.0 9.2	Nhân học y tế		X	X	X			X	X			X	X
50	110.YCC.4.1 0.2	Sức khỏe lứa tuổi		X		X			X	X	X		X	X
51	110.YCC.4.1 1.3	Sức khỏe nghề nghiệp		X		X		X	X	X	X		X	X
52	110.YCC.4.1 2.3	Dịch tễ học 2		x		x	x	x	x	x	x		x	x
53	110.YCC.4.1 3.4	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm		X		X	X	X	X	X	X	X		X
54	110.YCC.4.1 4.4	Dân số, Sức khỏe sinh sản		X		X	X			X	X		X	X
55	110.YCC.4.1 5.4	Thực tập Y học dự phòng I		X	X	X	X	X	X			X	X	X
56	110.YCC.4.1 6.3	Thực tập Y học dự phòng II		X		X		X	X	X	X		X	X
57	110.YCC.4.1 7.2	Vaccin		x	x	x				x	x		x	x

58	110.YCC.4.1 8.2	Bệnh nghề nghiệp		X	X	X			X		X	X	X	X
59	110.YCC.4.1 9.4	Các chương trình Y tế Quốc gia - Quản lý các chương trình và dự án y tế		X	X	X	X		X	X		X	X	X
60	110.YCC.4.2 0.2	Kỹ năng phân tích số liệu định lượng sử dụng các phần mềm thống kê chuyên dụng		X	X	X			X	X			X	X
61	110.YCC.4.2 1.3	Dinh dưỡng tiết chế	X	X	X	X	X		X	X	X		X	X
		2.3. Kiến thức bổ trợ (tự chọn):												
		Tổ hợp 1												
62	110.PDT.5.07 .3	Bệnh lý Nội - Nhi thường gặp tại cộng đồng			X	X			X		X			
63	110.YCC.5.2 2.3	Dịch tễ học thực địa cơ bản		x	x	x				x	x		x	
64	110.YGD.5.0 1.3	YHGD		X							X		X	X
		Tổ hợp 2												
65	110.PDT.5.08 .3	Bệnh lý Ngoại - Sản thường gặp tại cộng đồng				X		X	X		X		X	

66	110.YCC.5.2 3.3	Đánh giá chương trình nâng cao sức khoẻ				X			X	X				X
67	110.YCC.5.2 4.3	Y học thảm hoạ - Dinh dưỡng cộng đồng		X		X	X		X	X	X		X	
		2.4. Dự án học thuật và Tốt nghiệp:												
		1. Dự án học thuật (3đvtc)												
68	110.YCC.4.0 6.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học		X		X			X	X			X	X
69	110.YCC.4.2 5.2	Đề tài khoa học/ khóa luận		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		2. Tốt nghiệp (5đvtv)												
70	110.YCC.4.2 6.2	Lý thuyết tốt nghiệp									X	X	X	X
71	110.YCC.4.2 7.2	Thực hành tốt nghiệp									X	X	X	X
		TỔNG CỘNG												
II I		Các học phần thay thế												
1	110.YCC.5.2 8.3	Y học lao động		X		X			X		X		X	X
2	110.YCC.5.2 9.3	Giám sát môi trường		X		X			X		X		X	X
3	110.YCC.5.3 0.3	Đô thị hoá và sức khỏe		X		X			X		X		X	X

4	110.YCC.5.3 1.3	Y học thể thao		X		X			X		X		X	X
5	110.YCC.5.3 2.3	Sức khỏe ngư dân		X		X			X		X		X	X
6	110.YCC.5.3 3.3	Đánh giá hoạt động y tế		X		X	X		X	X				X
7	110.YCC.5.3 4.3	Thiết kế dự án y tế		X	X	X			X	X			X	X
8	110.YCC.5.3 5.3	Quản lý vấn đề lây nhiễm HIV ở cộng đồng		X		X				X	X		X	X
9	110.YCC.5.3 6.3	Quản lý dịch và thảm họa		X		X	X		X		X		X	X
10	110.YCC.5.3 7.3	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực y tế		X		X	X		X	X			X	X
11	110.YCC.5.3 8.3	Sức khỏe tình dục		X	X	X			X	X			X	X

9. Kế hoạch đào tạo

[illegible]

4	Nhà nước và Pháp luật	2	X											
5	Giải phẫu học	4	X											
6	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		X										
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		X										
8	Sinh học tế bào	2		X										
9	Lý sinh	2		X										
10	Hóa học	2		X										
11	Xác suất - Thống kê y học	2		X										
12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		X										
13	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2		X										
14	Mô phôi	3			X									
15	Sinh lý	3			X									
16	Vi sinh y học	3			X									
17	Ký sinh trùng	3			X									
18	Kỹ năng phân tích số liệu định lượng sử dụng các phần mềm thống kê chuyên dụng	2			X									
19	Tiếng Anh chuyên ngành	3				X								
20	Hóa sinh	3				X								

21	Giải phẫu bệnh	2				X								
22	Điều dưỡng cơ bản	2				X								
23	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3				X								
24	Dược lý và Độc chất	3				X								
25	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				X								
26	Sức khỏe môi trường	4					X							
27	Dịch tễ học 1	2					X							
28	Tiền lâm sàng 1 (Nội - Ngoại)	2					X							
29	Ngoại cơ sở	3					X							
30	Nội cơ sở	4					X							
31	Sức khỏe nghề nghiệp	3					X							
32	Khoa học hành vi và GDSK	4						X						
33	Tiền lâm sàng 2 (Sản - Nhi)	2						X						
34	Ngoại bệnh lý	4						X						
35	Nội bệnh lý	4						X						
36	Dịch tễ học 2	3						X						

37	Nhân học y tế	2							X					
38	Phụ sản	4							X					
39	Sức khỏe lứa tuổi	2							X					
40	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	4							X					
41	Chẩn đoán hình ảnh	2							X					
42	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2							X					
43	Nhi	4								X				
44	Thống kê y học	2								X				
45	Y học cổ truyền, Ung thư và Da liễu	4								X				
46	Cấp cứu đa khoa và hồi sức ban đầu	3								X				
47	Dinh dưỡng tiết chế	3								X				
48	Mắt, Tai Mũi Họng và Răng Hàm Mặt	4									X			
49	Truyền nhiễm và Lao	4									X			
50	Giáo dục liên ngành	2									X			
51	Kinh tế y tế	2									X			
52	Bệnh lý Nội - Nhi thường gặp tại cộng đồng	3									X			

[illegible]

[illegible]

10. Mô tả vắn tắt các học phần

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
1	101.D HY.1. 00.2	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học	2	Giới thiệu cho sinh viên biết rõ chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm và quy định hành nghề, chuẩn năng lực tối thiểu của Bộ Y tê, chuẩn năng lực đầu ra và lộ trình tích lũy, cấu trúc tổng quát chương trình đào tạo, phương pháp dạy/học và định hướng phát triển kỹ năng học tích cực
2	101.D HF.1. 00.07	NNCB: Theo Quyết định 1492/QĐ- ĐHH ngày 16/11/2016 về chuẩn đầu ra năng lực Ngoại ngữ không chuyên	7	Khối kiến thức NNKC theo quy định của Đại học Huế
3	101.L LCT.1 .01.3	Triết học Mác - Lênin	3	Nội dung học phần Triết học Mác-Lênin (03 tín chỉ) được cấu trúc thành 3 chương: Chương 1, Trình bày khái lược về triết học và triết học Mác-Lênin, vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2, Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, Trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Giúp cho người học; nhận thức được giá trị, bản chất khoa học và cách mạng của triết học Mác-Lênin; trên cơ sở đó hiểu được nền tảng, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam
4	101.L LCT.1 .02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa (PTSX TBCN) và những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Học phần bao gồm những kiến thức: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
5	101.L LCT.1 .03.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Nội dung môn học gồm 7 chương. Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
6	101.L LCT.1 .04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm: Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945); Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay); Kết luận: Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn của Đảng. Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.
7	101.L LCT.1 .05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> cung cấp kiến thức hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh _ nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam của cách mạng Việt Nam. Với 6 chương, học phần trình bày các nội dung cốt lõi trong hệ thống Tư tưởng Hồ Chí Minh như: độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, vai trò của Đảng, Nhà nước, đại đoàn kết, văn hóa, con người, và đạo đức cách

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				mạng. Sinh viên sẽ phát triển tư duy lý luận, kỹ năng phân tích và khả năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn, đồng thời rèn luyện ý thức trách nhiệm và tự hào dân tộc.
8	110.D HF.1. 01.3	Tiếng Anh chuyên ngành	2	- Học phần TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG gồm 03 tín chỉ với số tiết lý thuyết trên lớp là 45 tiết bao gồm phần giảng bài của giáo viên, các hoạt động thảo luận theo nhóm, theo cặp của sinh viên, các hoạt động làm bài tập của sinh viên và sửa bài tập của giáo viên trên lớp. - Nội dung chính của học phần gồm các chủ điểm cơ bản liên quan đến sức khỏe con người, các bộ phận trong cơ thể người nhân viên và cơ sở y tế, điều tra trong y tế... Các nội dung chính bao gồm: - Health and illness - Parts of the body - Functions of the body - Medical practitioners - Epidemiology - Data presentation - Hospitals - Primary care - Medical education - Infections - Basic investigations - Laboratory tests - X- ray and CT - Blood - Symptoms and signs - The respiratory system - Taking a history 1

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				- Taking a history 2
9	110.K CB.2. 01.2	Sinh học tế bào	2	Học phần Sinh học tế bào trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng và toàn diện về tế bào – đơn vị cấu trúc và chức năng cơ bản của sự sống. Nội dung tập trung vào việc nhận biết (nhớ) cấu trúc, giải thích (hiểu) chức năng của các bào quan và vận dụng kiến thức để phân tích các quá trình sống cốt lõi như trao đổi chất qua màng, truyền tín hiệu, chu kỳ phân bào và sự chết theo chương trình. Học phần đồng thời trang bị kỹ năng thực hành cơ bản như sử dụng kính hiển vi, làm và nhuộm tiêu bản tế bào, nhận dạng tế bào vi sinh vật, phục vụ công tác giám sát dịch tễ và phòng bệnh, giúp sinh viên vận dụng kiến thức tế bào học vào phân tích, đánh giá và triển khai các biện pháp phòng bệnh hiệu quả. Kiến thức từ học phần này là tiền đề và có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ trực tiếp cho việc tiếp thu các học phần chuyên sâu hơn.
10	110.K CB.2. 02.2	Lý sinh	2	Học phần Lý sinh trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các quy luật vật lý chi phối hoạt động cơ thể sống và ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng. Nội dung bao gồm: sự biến đổi và bảo toàn năng lượng; cơ chế vận chuyển vật chất và động lực chất lưu; hiện tượng điện sinh học của tế bào và mô; Hiện tượng âm trên cơ thể sống; Ánh sáng và tác dụng sinh học lên cơ thể sống; Vật lý nguyên tử, hạt nhân và ứng dụng trong Y học. Học phần giúp sinh viên nắm vững lý thuyết, rèn luyện kỹ năng phân tích hiện tượng sinh học dưới góc nhìn vật lý, làm nền tảng cho giám sát sức khỏe và phòng bệnh. Học phần Lý sinh cung cấp cơ sở khoa học cho sinh viên Y học dự phòng trong việc phân tích hoạt động cơ thể và ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh. Kiến thức về năng lượng, điện sinh học, sóng âm, ánh sáng và bức xạ là nền tảng cho các môn Sinh lý, Sinh lý bệnh

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				– Miễn dịch, Giải phẫu bệnh, Chân đoán hình ảnh, Dịch tễ học, Sức khỏe môi trường, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm. Từ đó, tạo cơ sở để phân tích cơ chế bệnh sinh, cũng như giúp sinh viên vận dụng vào giám sát sức khỏe, phòng bệnh và ứng phó với dịch bệnh, thảm họa. Nhờ đó, học phần Lý sinh không chỉ củng cố tư duy khoa học cơ bản mà còn tạo cầu nối để sinh viên vận dụng hiệu quả trong nghiên cứu, quản lý và thực hành y học dự phòng.
11	110.K CB.2. 03.2	Hóa học	2	Học phần Hóa học là môn khoa học cơ sở nền tảng, trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học tự nhiên cơ bản về thành phần, cấu tạo, tính chất và các quá trình biến đổi của vật chất. Đây là học phần cơ sở trong khối ngành, Hóa học giữ vị trí tiên quyết, cung cấp nền tảng khoa học vững chắc. Việc nắm vững kiến thức này là điều kiện cần thiết để sinh viên có thể tiếp thu hiệu quả các môn học chuyên sâu hơn như Hóa sinh, Sinh lí, Dược lí. Học phần Hóa học trong đào tạo Y học dự phòng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về các quy luật của sự vận động và biến đổi, cơ chế, tính chất, ứng dụng của một số chất liên quan đến y học. Từ đó, hình thành kỹ năng thực hành thí nghiệm cơ bản và khả năng vận dụng kiến thức hóa học để giải thích, phân tích bản chất các hiện tượng trong thực tế. Thông qua đó, bồi dưỡng thái độ học tập nghiêm túc, trung thực, cẩn trọng; tinh thần trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu khoa học, tăng khả năng tư duy liên ngành, rất cần thiết trong môi trường y học hiện đại.
12	DHH- AI.01	Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng - Thống kê y học	3	Học phần này thuộc khối kiến thức cơ bản, gồm 2 phần: - Phần 1: Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng.

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				- Phần 2: Giới thiệu về y tế số, ứng dụng phần mềm trong quản lý và phân tích số liệu cơ bản trong nghiên cứu y sinh học Phần “Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng” nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về nền tảng công nghệ số và AI. Cụ thể, sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản về công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, và ứng dụng của công nghệ số và AI vào đời sống, học tập, nghiên cứu, phát triển nghề nghiệp và những ứng dụng của AI trong y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe. Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên kỹ năng thực hành với một số công cụ số và AI, khả năng phân tích, xử lý dữ liệu, sáng tạo nội dung, đồng thời rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác trong môi trường số hóa, bồi dưỡng ý thức về an toàn thông tin, đạo đức số, và tuân thủ pháp luật, giúp sinh viên hình thành ý thức sử dụng công nghệ một cách chủ động, văn minh, góp phần xây dựng cộng đồng số an toàn và bền vững. Phần “Giới thiệu về y tế số, ứng dụng phần mềm trong quản lý và phân tích số liệu cơ bản trong nghiên cứu y sinh học” sẽ giới thiệu về y tế số; nguồn số liệu y tế trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, ý nghĩa của việc quản lý thông tin y tế từ thực hành đến nghiên cứu và thực hành phân tích số liệu cơ bản trong lĩnh vực khoa học sức khỏe bằng phần mềm thống kê chuyên dụng.
13	110.K CB.2. 05.2	Xác suất - Thống kê y học	2	Học phần Xác suất - Thống kê y học trang bị cho sinh viên Y học dự phòng những kiến thức nền tảng về xác suất và thống kê ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị, dự phòng mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, phân tích hồi quy và tương quan ứng dụng trong y

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				học. Bên cạnh phần lý thuyết, học phần còn tập trung vào kỹ năng thực hiện suy luận thống kê với sự hỗ trợ của các phần mềm thống kê (R, SPSS) cũng như công cụ AI tạo sinh phổ biến giúp sinh viên dễ dàng học, phân tích kết quả thu được và rút ra kết luận khoa học. Trong chương trình đào tạo, học phần có vị trí quan trọng, hỗ trợ trực tiếp cho các môn như Dịch tễ học, Phương pháp nghiên cứu khoa học, là cơ sở để sinh viên phát triển tư duy dựa trên bằng chứng và ứng dụng các phương pháp phân tích xác suất, thống kê trong thực hành y học cũng như nghiên cứu y học.
14	110.D TR.2. 01.2	Di truyền	2	Học phần Di truyền y học sẽ cung cấp những vấn đề cơ bản nhất của di truyền được ứng dụng trong y học, bao gồm các nội dung đi từ cơ sở khoa học nền tảng của di truyền như gene và genome, bộ nhiễm sắc thể, phương thức di truyền đến các kỹ thuật di truyền ứng dụng trong chẩn đoán và làm cơ sở cho tư vấn di truyền. Bên cạnh đó, học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh của một số bệnh lý di truyền. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ vận dụng được kiến thức về các đặc điểm bất thường về cấu trúc, chức năng ở các mức độ gene, genome, nhiễm sắc thể và tế bào để chẩn đoán, dự phòng bệnh, phát hiện yếu tố nguy cơ và tư vấn di truyền.
15	110.Y CC.2. 01.2	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	Học phần Tâm lý Y học – Đạo đức Y học trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về Tâm lý và Tâm lý Y học, tâm lý người bệnh, tâm lý trong khám và điều trị, tâm lý và hành vi, cơ sở tâm lý học của giao tiếp và các nguyên lý cơ bản của đạo đức Y học. Làm nền tảng cho sinh viên tiếp thu các học phần truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe, bệnh học và thực hành lâm sàng.
16	110.D HA.2. 02.2	Nhà nước và Pháp luật	2	Học phần Nhà nước và pháp luật trang bị cho sinh viên Y học dự phòng những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và vai

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				trò của Nhà nước và pháp luật trong quản lý xã hội. Nội dung học phần giới thiệu các khái niệm nền tảng như nguồn gốc của Nhà nước, hệ thống pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật và cơ chế thực thi pháp luật. Đồng thời, sinh viên được tìm hiểu về hệ thống pháp luật Việt Nam, quyền và nghĩa vụ của công dân, cũng như trách nhiệm pháp lý trong các lĩnh vực liên quan đến y tế và sức khỏe cộng đồng. Thông qua học phần, sinh viên hình thành ý thức tôn trọng pháp luật, hiểu được vai trò của pháp luật trong bảo vệ sức khỏe nhân dân, quản lý hoạt động y tế dự phòng và nâng cao năng lực vận dụng quy định pháp luật trong thực hành nghề nghiệp sau này.
17	110.G PH.3. 01.4	Giải phẫu học		Học phần giải phẫu học gồm 4 tín chỉ (2 lý thuyết và 2 thực hành) cung cấp những kiến thức cơ bản về giải phẫu người làm cơ sở cho sinh viên học những môn học khác thuộc y học cơ sở cũng như lâm sàng trong chương trình đào tạo. Trên cơ sở những kiến thức giải phẫu học, sinh viên có thể ứng dụng giải thích các bệnh lý liên quan cũng như ứng dụng trong thăm khám, chẩn đoán và điều trị sau này.
18	110.M PH.3. 01.3	Mô phôi		Học phần Mô Phôi cung cấp cho sinh viên năm thứ 2 ngành Y học dự phòng các kiến thức về Mô học và Phôi thai học. Mô học là khoa học nghiên cứu sự phát triển, cách cấu tạo và sự hoạt động của các mô, các cơ quan. Phôi thai học nghiên cứu quá trình phát triển của cá thể người trong các giai đoạn phôi và thai. Mô học có mối quan hệ mật thiết với nhiều môn Y học cơ sở như Giải phẫu học, Sinh lý học, Phôi thai học cũng như các môn bệnh học khác như Giải phẫu bệnh học, Sinh lý bệnh học... Những

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				hiểu biết về mô học và phôi thai học giúp người học có cơ sở để tiếp thu tốt những môn học Y cơ sở khác cũng như những môn Bệnh học và Lâm sàng.
19	110.S LY.3. 01.3	Sinh lý		Học phần Sinh lý học cung cấp cho sinh viên ngành Y học dự phòng những kiến thức cơ bản và hệ thống về chức năng của các tế bào, mô, cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể người ở trạng thái bình thường. Nội dung bao gồm Sinh lý tế bào , Sinh lý máu , Sinh lý tuần hoàn , Sinh lý hô hấp , Sinh lý tiêu hóa , Sinh lý thận , Sinh lý nội tiết và Sinh lý thần kinh. Học phần này là nền tảng y học cơ sở quan trọng, giúp sinh viên giải thích các hoạt động chức năng của cơ thể, tạo cơ sở cho việc học các môn y học lâm sàng và YHDP, đồng thời hiểu rõ cơ chế bệnh sinh và tác dụng của các phương pháp điều trị.
20	110.S HY.3. 01.2	Hóa sinh		Hóa sinh là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo, chức năng và chuyển hóa của các chất trong cơ thể; cơ chế hoạt động của enzyme, quá trình chuyển hóa năng lượng và các con đường chuyển hóa chủ yếu. Đồng thời, học phần giới thiệu ứng dụng của hóa sinh trên lâm sàng như các xét nghiệm, ý nghĩa chẩn đoán, theo dõi điều trị bệnh,... Trong chương trình đào tạo, Hóa sinh giữ vai trò cầu nối giữa các học phần khoa học cơ bản (Hóa học, Sinh học,...) với các học phần y học lâm sàng (Nội khoa, Nhi khoa, ...). Học phần giúp sinh viên hình thành nền tảng để hiểu các quá trình bệnh lý, áp dụng trong phân tích kết quả xét nghiệm và định hướng chẩn đoán. Kiến thức hóa sinh cũng là cơ sở để học tập và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Y – Dược và các

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				ngành khoa học sức khỏe.
21	110.V SY.3. 01.3	Vi sinh y học		Học phần Vi sinh Y học trang bị cho sinh viên ngành Y học dự phòng kiến thức cơ bản về vi sinh vật từ tính chất vi sinh vật học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán phòng thí nghiệm cho đến các nguyên lý dự phòng, nguyên tắc điều trị các nhiễm trùng theo cơ quan. Học phần làm rõ khả năng đáp ứng miễn dịch của cơ thể, ứng dụng vaccine - huyết thanh trong phòng và điều trị bệnh, vai trò quan trọng của kiểm soát nhiễm khuẩn và sử dụng kháng sinh hợp lý. Học phần kết nối chặt với Sinh học tế bào, Hóa học, Di truyền y học và là nền tảng giúp tiếp thu tốt các môn học ngành - Sinh lý bệnh, Truyền nhiễm cũng như ứng dụng trong dự phòng và can thiệp nâng cao sức khỏe cộng đồng.
22	110.K ST.3. 01.3	Ký sinh trùng		Nội dung học phần gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm hình thể, cấu tạo, chu kỳ sinh thái, đặc điểm dịch tễ của các loại ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam; tác hại của KST và bệnh KST phổ biến ở Việt Nam; một số phương pháp chẩn đoán bệnh KST và liệt kê thuốc điều trị KST phổ biến; các nguyên tắc và biện pháp kiểm soát, dự phòng bệnh KST.
23	110.G PB.3. 01.2	Giải phẫu bệnh		Học phần trang bị kiến thức nền tảng về các biến đổi hình thái của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý, giúp người học hiểu rõ cơ chế tổn thương và diễn tiến bệnh. Sinh viên sẽ nhận thức được vai trò, ý nghĩa của chẩn đoán giải phẫu bệnh trong thực hành lâm sàng. Bên cạnh lý thuyết, học phần còn rèn luyện kỹ năng thực hành, phân tích và nhận định các đặc điểm mô bệnh học, hỗ trợ chẩn đoán một số bệnh lý thường gặp ở người.

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				Qua đó, người học có thể vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng giải phẫu bệnh vào thực tiễn khám, chữa bệnh và nghiên cứu, góp phần nâng cao hiệu quả điều trị và quản lý bệnh nhân.
24	110.K DD.3. 01.2	Điều dưỡng cơ bản		Học phần Điều dưỡng cơ bản cung cấp cho sinh viên có những kiến thức và kỹ năng nền tảng về chăm sóc người bệnh theo quan điểm toàn diện của y học hiện đại kết hợp y học cổ truyền. Nội dung học phần bao gồm các nguyên lý cơ bản của điều dưỡng, quy trình điều dưỡng, kỹ thuật chăm sóc cơ bản, giao tiếp trong điều dưỡng, vệ sinh và an toàn người bệnh, cùng những yếu tố tâm lý – xã hội trong chăm sóc sức khỏe. Học phần giúp sinh viên hình thành thái độ nghề nghiệp đúng đắn, rèn luyện tác phong y đức, và có khả năng phối hợp hiệu quả với điều dưỡng viên trong công tác khám chữa bệnh. Học phần giữ vai trò nền tảng trong chương trình đào tạo, là cầu nối giữa các môn khoa học cơ bản như Giải phẫu, Sinh lý, Dược lý với các học phần lâm sàng, đặc biệt là Tiền lâm sàng 1 và Tiền lâm sàng 2, góp phần chuẩn bị cho sinh viên năng lực thực hành chăm sóc người bệnh một cách an toàn và hiệu quả.
25	110.S LB.3. 01.3	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	Học phần Sinh lý bệnh – Miễn dịch dành cho sinh viên ngành Y học dự phòng giới thiệu những kiến thức về miễn dịch học cơ bản, miễn dịch bệnh lý, sinh lý bệnh đại cương của một số rối loạn thường gặp và sinh lý bệnh cơ quan. Nội dung về miễn dịch học đề cập về đặc điểm, vai trò của các thành phần thuộc miễn dịch bẩm sinh và miễn dịch thích ứng, quá trình đáp ứng miễn dịch trong việc bảo vệ cơ thể vật chủ chống lại từng tác nhân nhiễm khuẩn; đồng thời đề cập đến rối loạn miễn dịch (quá mẫn). Phần sinh lý bệnh giới thiệu về bệnh

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				nguyên, cơ chế bệnh sinh của một số rối loạn thường gặp (rối loạn cân bằng nước - điện giải, rối loạn cân bằng toan-kiềm, viêm và rối loạn thân nhiệt) và sinh lý bệnh hệ cơ quan (hệ hô hấp, hệ tim mạch, hệ tiêu hóa-gan mật và thận-Tiết niệu). Đây là học phần cơ sở ngành làm nền tảng cho các học phần bệnh học và chuyên ngành.
26	110.C DH.3. 01.2	Chẩn đoán hình ảnh	2	Học phần này trang bị cho sinh viên YHDP kiến thức và kỹ năng cơ bản về chẩn đoán hình ảnh. Nội dung tập trung vào nguyên lý tạo ảnh, chỉ định và ưu nhược điểm của các phương pháp như X-quang, siêu âm, CLVT và CHT nhằm phục vụ việc xử trí trên lâm sàng và định hướng chẩn đoán các bệnh thường gặp. Sinh viên sẽ được rèn luyện khả năng nhận diện, phân tích và diễn giải các dấu hiệu hình ảnh thường gặp trên các kỹ thuật, kết hợp với dữ liệu lâm sàng để đưa ra các chỉ định chính xác trong chẩn đoán và điều trị. Học phần giúp sinh viên hình thành nền tảng vững chắc về sử dụng và khai thác các phương tiện hình ảnh, đảm bảo công tác chẩn đoán và điều trị đạt hiệu quả, an toàn và phù hợp với thực tiễn lâm sàng.
27	110.D LY.3. 01.3	Dược lý và Độc chất	3	Học phần Dược lý học cung cấp cho sinh viên ngành Y học dự phòng những kiến thức cơ bản về cơ chế tác dụng, dược động học và dược lực học của thuốc, cùng với các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả và an toàn của việc sử dụng thuốc. Nội dung học phần bao quát từ

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				phần đại cương đến các nhóm thuốc thiết yếu thường dùng trong y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu như: thuốc kháng sinh, kháng viêm, hạ sốt – giảm đau, thuốc tác động lên thần kinh, tim mạch, nội tiết, thuốc điều trị ký sinh trùng và các thuốc trong chương trình y tế cộng đồng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng kê đơn cơ bản, sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và kinh tế. Học phần có vị trí nền tảng, hỗ trợ cho các môn học chuyên ngành như Dịch tễ học, Vệ sinh – Sức khỏe môi trường, Quản lý y tế và Y học cộng đồng. Qua đó, sinh viên được trang bị năng lực đánh giá, tư vấn và triển khai các biện pháp sử dụng thuốc hợp lý trong dự phòng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
28	110.Y CC.3. 02.2	Thống kê y học	2	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thống kê y học nhằm phục vụ cho việc thiết kế nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu, cũng như phiên giải và báo cáo kết quả trong nghiên cứu khoa học sức khỏe. Nội dung học phần bao gồm: tổng quan thống kê y học, phương pháp chọn mẫu và tính cỡ mẫu, sai số và yếu tố nhiễu, thống kê mô tả, ước lượng; kiểm định giả thuyết, phân tích tương quan và hồi quy. Sinh viên đạt được các kỹ năng cơ bản và nền tảng kiến thức về tư duy phân tích dữ liệu trong nghiên cứu y sinh học.
29	110.Y CC.3. 03.4	Sức khỏe môi trường	3	Học phần Sức khỏe môi trường cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về mối liên hệ giữa các yếu tố môi trường và sức khỏe con người. Nội dung bao gồm: các vấn đề vệ sinh môi trường nước, không khí, đất, nhà ở, bệnh viện; tác động của biến đổi khí hậu, dân số và độc chất sinh thái đến sức khỏe cộng đồng; phương pháp đánh giá, quản lý nguy

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				ơ và cách tiếp cận Một sức khỏe (One Health). Học phần đồng thời rèn luyện kỹ năng phân tích, điều tra thực địa, thí nghiệm, đánh giá nguy cơ và xử lý tình huống, giúp sinh viên vận dụng kiến thức để đề xuất các biện pháp can thiệp bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Học phần được bố trí trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo, làm nền tảng cho các học phần chuyên ngành khác như Dịch tễ học môi trường, Sức khỏe nghề nghiệp, góp phần hình thành năng lực dự phòng, quản lý rủi ro và phát triển bền vững.
30	110.Y CC.3. 04.2	Dịch tễ học 1	2	Các nội dung dịch tễ học cơ bản. Xác định và mô tả tình hình sức khỏe và bệnh tật Cộng đồng. Trình bày được cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh. Trình bày được cách đánh giá một chương trình can thiệp.
31	110.Y CC.3. 05.4	Khoa học hành vi và GDSK	4	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khoa học hành vi trong lĩnh vực sức khỏe và các nguyên lý, phương pháp, kỹ năng thực hành giáo dục sức khỏe cộng đồng. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ mối quan hệ giữa hành vi và sức khỏe, vận dụng các lý thuyết hành vi vào thiết kế, triển khai và đánh giá các chương trình giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe cộng đồng.
32	110.P DT.4. 01.2	Tiền lâm sàng 1 (Nội - Ngoại)	2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về cách khám nội khoa, Ngoại khoa cơ bản. Nội dung học phần tập trung vào phương pháp khám, cách đọc các cận lâm sàng thường gặp. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng khám phát hiện các triệu chứng nội khoa, ngoại bất thường. Học phần giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ, tạo nền tảng để sinh viên tiếp thu tốt hơn các học phần lâm sàng nội, ngoại thực hành tại bệnh viện.
33	110.P DT.4.	Tiền lâm sàng 2 (Sản - Nhi)	2	Trang bị cho sinh viên Y học dự phòng năm thứ 3 các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
	02.2			chăm sóc sản, nhi thông qua mô hình và trường hợp lâm sàng cụ thể, giúp sinh viên bước đầu nhận diện yếu tố nguy cơ, thực hành kỹ năng, giao tiếp – tư vấn sức khỏe, và chuẩn bị nền tảng cho thực hành lâm sàng và công tác dự phòng sau này.
34	110.N GO.4. 01.3	Ngoại cơ sở	3	Học phần Ngoại cơ sở cung cấp kiến thức cơ bản về triệu chứng học ngoại khoa. bao gồm: cơ chế bệnh sinh. triệu chứng lâm sàng. cận lâm sàng và hướng chẩn đoán đối với một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp. Các bệnh lý thuộc các chuyên ngành: ngoại chấn thương – bỏng. ngoại tiêu hóa. ngoại tiết niệu. ngoại lồng ngực – mạch máu và ngoại thần kinh.
35	110.N GO.4. 02.4	Ngoại bệnh lý	4	Module mô tả bệnh lý học của một số bệnh ngoại khoa bao gồm tần suất, sinh lý bệnh, triệu chứng, chẩn đoán, thái độ xử trí ... của một số bệnh ngoại khoa trong lĩnh vực tiêu hóa, tiết niệu, lồng ngực tim mạch, chấn thương chỉnh hình và thần kinh. Nội dung Module cũng nêu được chẩn đoán xác định và phân biệt các bệnh lý trên cũng như nêu một cách khái quát thái độ xử trí.
36	110.N OI.4.0 1.4	Nội cơ sở	4	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về các triệu chứng và hội chứng nội khoa cơ bản. Nội dung học phần tập trung vào đặc điểm dịch tễ, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, nguyên tắc chẩn đoán. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nhận biết đối với các triệu chứng và hội chứng nội khoa cơ bản. Học phần giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ, tạo nền tảng để sinh viên tiếp thu tốt hơn các học phần lâm sàng nội, nhi, ngoại, sản, phục hồi chức năng, y tế công cộng và thực hành tại bệnh viện, đồng thời củng cố năng lực chẩn đoán trong thực tiễn y khoa.

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
37	110.N OI.4.0 2.4	Nội bệnh lý	4	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về các bệnh lý nội khoa cơ bản. Nội dung học phần tập trung vào đặc điểm dịch tễ, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, nguyên tắc chẩn đoán, điều trị, tiên lượng một số bệnh lý. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nhận biết đối với các bệnh lý nội khoa cơ bản. Học phần giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ, tạo nền tảng để sinh viên tiếp thu tốt hơn các học phần lâm sàng nội, nhi, ngoại, sản và thực hành tại bệnh viện, đồng thời củng cố năng lực chẩn đoán trong thực tiễn y khoa.
38	110.S AN.4. 01.4	Phụ sản	4	Học phần cung cấp cho sinh viên Y học dự phòng kiến thức nền tảng và ứng dụng về sinh lý phụ khoa, chẩn đoán có thai, khám thai và chăm sóc thai kỳ, các vấn đề hậu sản, thai kỳ nguy cơ cao, và các tình huống sản phụ khoa thường gặp như chảy máu 3 tháng đầu – 3 tháng cuối – sau sinh, tiền sản giật – sản giật, viêm nhiễm sinh dục và khối u sinh dục lành tính. Module nhấn mạnh khả năng phát hiện sớm, phân loại nguy cơ, tư vấn, quản lý bước đầu và chuyển tuyến an toàn, phù hợp vai trò của ngành Y học dự phòng trong chăm sóc sức khỏe sinh sản – bà mẹ – trẻ em.
39	110.N HI.4.0 1.4	Nhi	4	Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về bệnh học Nhi khoa, từ đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng đến vấn đề chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh thường gặp ở trẻ em. Phần thực hành trang bị cho sinh viên các phương pháp tiếp cận chẩn đoán, xử trí các bệnh thường gặp trong Nhi khoa, rèn luyện cho sinh viên đức tính trung thực, kỹ năng tư vấn chăm sóc, biện pháp dự

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				phòng cho người nuôi dưỡng trong điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em, kỹ năng giao tiếp, hành vi ứng xử đúng mực đối với bệnh nhân, người nhà, nhân viên y tế, giảng viên, bạn bè.
40	110.P HC.4. 01.2	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Khung phân loại quốc tế về hoạt động chức năng, khuyết tật và sức khỏe (ICF), nguyên lý Phục hồi chức năng (PHCN) và chiến lược PHCN dựa vào cộng đồng. Sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng nhận biết và xử trí các vấn đề khuyết tật thường gặp như khó khăn về vận động (đột quỵ, tổn thương tủy sống, bại não, bàn chân khoèo,...) và nghe, nói. Học phần nhấn mạnh vai trò của Bác sĩ Y học dự phòng trong việc quản lý, tư vấn và thực hiện các biện pháp phục hồi chức năng nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người khuyết tật tại cộng đồng.
41	110.P DT.4. 03.4	Y học cổ truyền, Ung thư và Da liễu	4	Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng sinh lý của da, bệnh lý da thường gặp và các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Sinh viên được học cách phân biệt tổn thương cơ bản của da, nhận biết các bệnh truyền nhiễm qua da, bệnh dị ứng da và bệnh da do yếu tố nghề nghiệp, môi trường. Ngoài ra, học phần nhấn mạnh vai trò của y học dự phòng trong phát hiện sớm, quản lý và phòng ngừa các bệnh da liễu trong cộng đồng. Học phần nằm trong kiến thức ngành, là tiền đề quan trọng cho các học phần như: Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm, Sức khỏe môi trường, và Quản lý sức khỏe cộng

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				đồng. Việc nắm vững kiến thức đa liễu giúp sinh viên nâng cao năng lực thực hành dự phòng, giáo dục sức khỏe và kiểm soát dịch bệnh ngoài da trong cộng đồng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và một số kỹ năng thực hành của Y học cổ truyền. Sinh viên được học các học thuyết cơ bản, phương pháp châm cứu, dược liệu, huyết thường dùng và ứng dụng trong một số bệnh thường gặp. Học phần có vai trò bổ trợ, giúp sinh viên có năng lực vận dụng trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh trong thực tiễn công tác y học dự phòng.
42	110.P DT.4. 04.4	Mắt, Tai Mũi Họng và Răng Hàm Mặt	4	Học phần Mắt cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các bệnh lý mắt thường gặp, kỹ năng tiếp cận, chẩn đoán và trình bày được nguyên tắc điều trị các bệnh lý mắt thông thường. Sinh viên sau khi học xong có thể nắm được đặc điểm lâm sàng, nguyên nhân, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý hay gặp ở mắt, chú ý vấn đề dự phòng, tư vấn cộng đồng. Học phần Răng Hàm Mặt dành cho sinh viên nhằm trang bị kiến thức cơ bản về giải phẫu, chức năng và các bệnh lý thường gặp trong khoang miệng, giúp sinh viên hiểu rõ mối liên hệ giữa sức khỏe răng miệng và sức khỏe toàn thân, từ đó nâng cao năng lực phát hiện sớm, tư vấn và thực hiện các biện pháp dự phòng bệnh lý răng miệng trong cộng đồng. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng nâng cao về Tai Mũi Họng, tập trung vào: cấp cứu tai mũi họng, chẩn đoán tai mũi họng, bệnh lý tai mũi họng, khối u vùng đầu cổ, biến chứng tai mũi họng-xử trí. Sinh viên sẽ được học lý thuyết kết hợp với thảo luận tình huống lâm sàng, thực hành lâm sàng. Học phần giúp sinh viên nhận diện, chẩn đoán, xử trí và tư vấn các vấn đề tai mũi họng thường gặp, bao gồm những tình huống cấp cứu và bệnh lý phức tạp, chuẩn bị cho thực tập lâm sàng và hành

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				nghề sau này.
43	110.P DT.4. 05.3	Thần kinh và Tâm thần	3	Học phần Thần kinh và Tâm thần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về các rối loạn tâm thần và bệnh lý thần kinh thường gặp. Nội dung học phần tập trung vào đặc điểm dịch tễ, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, nguyên tắc chẩn đoán, xử trí ban đầu, các biện pháp dự phòng và quản lý các bệnh lý thường gặp ở cấp độ cá nhân, gia đình và cộng đồng. Học phần giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ y học dự phòng, tạo nền tảng để sinh viên tiếp thu tốt hơn các học phần lâm sàng nội, nhi, ngoại, sản, phục hồi chức năng, y tế công cộng và thực hành tại cộng đồng.
44	110.P DT.4. 06.4	Truyền nhiễm và Lao	4	Học phần Truyền nhiễm-Lao bao gồm 2 học phần Truyền nhiễm và Lao, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về các bệnh truyền nhiễm và lao. Nội dung học phần tập trung vào tác nhân gây bệnh, đặc điểm dịch tễ, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng – cận lâm sàng, nguyên tắc chẩn đoán, điều trị và các biện pháp dự phòng ở cấp độ cá nhân, gia đình và cộng đồng. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nhận biết, xử trí và tư vấn dự phòng đối với các bệnh truyền nhiễm thường gặp do vi rút, vi khuẩn, ký sinh trùng gây ra. Học phần giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa, tạo nền tảng để sinh viên tiếp thu tốt hơn các học phần lâm sàng nội, nhi, y tế công cộng và thực hành tại bệnh viện, đồng thời củng cố năng lực chẩn đoán, điều trị và phòng chống dịch bệnh trong thực tiễn y khoa.
45	110.C CK.4. 06.3	Cấp cứu đa khoa và hồi sức ban đầu	4	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành trong tiếp cận, chẩn đoán, xử trí ban đầu các tình huống cấp cứu thường gặp. Học viên được rèn luyện khả năng phân tích, ra quyết định lâm sàng nhanh chóng, làm việc nhóm và tuân thủ các nguyên tắc an toàn

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				người bệnh trong môi trường cấp cứu. Ngoài kiến thức lý thuyết, học phần tập trung rèn luyện kỹ năng thực hành thông qua các buổi thực hành trên mô hình tại đơn vị huấn luyện kỹ năng lâm sàng, thực tập lâm sàng và thảo luận tình huống tại Bệnh viện. Sinh viên sau khi hoàn thành học phần có thể áp dụng kiến thức và kỹ năng trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng và tham gia xử trí cấp cứu ban đầu.
46	110.Y GD.4. 01.2	Giáo dục liên ngành	2	Học phần Giáo dục liên ngành nhằm xây dựng môi trường học tập hợp tác cho sinh viên các ngành khác nhau cùng phối hợp làm việc nhóm. Học phần được giảng dạy cho sinh viên năm kế cuối các ngành đào tạo đại học giúp nâng cao kiến thức, kỹ năng và thái độ về học tập liên ngành và hợp tác liên ngành trong chăm sóc người bệnh. Sinh viên cần vận dụng những kiến thức, kỹ năng và giá trị của ngành học của bản thân và hiểu rõ vai trò trách nhiệm của các ngành khác để hợp tác hiệu quả trong quá trình thực hành chăm sóc người bệnh, hướng đến tối ưu hóa hiệu quả chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm.
47	110.Y CC.4. 07.2	Kinh tế y tế	2	Học phần Kinh tế Y tế cung cấp cho sinh viên Y học dự phòng những kiến thức nền tảng về việc áp dụng các lý thuyết, khái niệm và phương pháp kinh tế học vào lĩnh vực y tế. Nội dung học phần bao quát các vấn đề cơ bản của kinh tế học, các đặc thù của kinh tế y tế, phương pháp phân tích chi phí, các phương pháp đo lường gánh nặng bệnh tật và chất lượng cuộc sống (DALY, QALY), các loại hình đánh giá kinh tế (chi phí - hiệu quả, chi phí - thỏa dụng, chi phí - lợi ích), và các vấn đề về tài chính y tế, bảo hiểm y tế tại Việt Nam. Học phần này giúp sinh viên hiểu rõ hơn về cách phân bổ nguồn lực y tế một cách hiệu quả và công bằng, làm cơ sở cho việc ra quyết định trong hoạch định chính sách và quản lý các chương trình sức khỏe.
48	110.Y	Tổ chức và quản lý	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
	CC.4. 08.3	y tế		về hệ thống y tế Việt Nam, cơ cấu tổ chức và chức năng của các tuyến y tế; nguyên tắc và phương pháp quản lý trong lĩnh vực y tế, bao gồm quản lý nhân lực, tài chính, vật tư, thông tin và thuốc. Học viên được trang bị kỹ năng phân tích, lập kế hoạch, giám sát và đánh giá các hoạt động y tế dự phòng, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng..
49	110.Y CC.4. 09.2	Nhân học y tế	2	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản một cách có hệ thống về khái niệm, nội dung về Nhân học và nhân học y tế. Thực hành được các kỹ năng cơ bản về các phương pháp nghiên cứu nhân học nhằm phát hiện các yếu tố văn hóa xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và đề xuất các giải pháp can thiệp dựa vào cộng đồng một cách có hiệu quả, đặc biệt trong lĩnh vực y học dự phòng tại các tuyến.
50	110.Y CC.4. 10.2	Sức khỏe lứa tuổi	2	Học phần Sức khỏe lứa tuổi cung cấp cho sinh viên kiến thức toàn diện về đặc điểm sức khỏe, bệnh tật và nhu cầu chăm sóc y tế đặc thù của từng giai đoạn trong vòng đời: trẻ sơ sinh – trẻ em, vị thành niên, người trưởng thành và người cao tuổi. Nội dung nhấn mạnh sự khác biệt về sinh lý, tâm lý và xã hội theo lứa tuổi, đồng thời phân tích các yếu tố nguy cơ, hành vi sức khỏe và mô hình bệnh tật đặc trưng của từng nhóm. Bên cạnh lý thuyết, học phần chú trọng thực hành thông qua phân tích tình huống, thảo luận ca bệnh và xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe phù hợp với từng đối tượng. Đây là học phần nền tảng, giúp sinh viên hình thành năng lực đánh giá, quản lý và đề xuất giải pháp nâng cao sức khỏe theo vòng đời, phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe toàn diện và bền vững.
51	110.Y CC.4. 11.3	Sức khỏe nghề nghiệp	3	Học phần Sức khỏe nghề nghiệp cung cấp cho sinh viên nền tảng khoa học và

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				thực tiễn về mối quan hệ giữa điều kiện lao động và sức khỏe con người. Nội dung tập trung vào các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp quan trọng như bụi, tiếng ồn, vi khí hậu, rung động, hóa chất và các rối loạn cơ xương khớp do lao động, đồng thời phân tích cơ chế tác động đến sức khỏe. Song song với lý thuyết, học phần chú trọng rèn luyện kỹ năng thực hành thông qua đo lường, giám sát yếu tố nghề nghiệp, đánh giá chức năng hô hấp - tim mạch và xây dựng công cụ khảo sát môi trường lao động. Đây là học phần mang tính ứng dụng cao, tạo cơ sở cho sinh viên học tiếp Bệnh nghề nghiệp và các học phần chuyên sâu khác. Sinh viên sau khi hoàn thành học phần sẽ có khả năng nhận diện, đánh giá và đề xuất giải pháp dự phòng nhằm bảo vệ sức khỏe người lao động, góp phần nâng cao chất lượng y tế nghề nghiệp và phát triển bền vững trong bối cảnh Việt Nam hiện nay.
52	110.Y CC.4. 12.3	Dịch tễ học 2	3	Học phần “Dịch tễ học 2” trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng ứng dụng phương pháp dịch tễ học trong nghiên cứu, giám sát và phòng chống các bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm tại cộng đồng. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề dịch tễ học của các bệnh không lây nhiễm phổ biến như ung thư, tăng huyết áp, đái tháo đường, rối loạn tâm trí và tai nạn thương tích; các bệnh truyền nhiễm theo các đường lây khác nhau như đường tiêu hóa, hô hấp, máu, da niêm mạc và HIV/AIDS. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức và kỹ năng thực hành về điều tra dịch, giám sát bệnh truyền nhiễm, tiêm chủng, phòng chống vector và quản lý chương trình phòng chống bệnh. Học phần có mối liên hệ chặt chẽ với Dịch tễ học cơ bản, là cơ sở cho các môn học, thực hành hoặc nghiên cứu

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				dịch tễ chuyên sâu hơn.
53	110.Y CC.4. 13.4	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	4	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và ứng dụng về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, bao gồm: vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng, chuyển hóa – hấp thu, giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm, dinh dưỡng hợp lý theo vòng đời, các bệnh thiếu và thừa dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng, nguyên tắc và ứng dụng dinh dưỡng điều trị. Ngoài ra, học phần trang bị kiến thức và kỹ năng truyền thông – giáo dục dinh dưỡng, dinh dưỡng học đường, mối liên quan giữa dinh dưỡng và nhiễm khuẩn, cũng như các phương pháp chọn lựa, kiểm nghiệm và bảo quản thực phẩm. Song song với lý thuyết, sinh viên được rèn luyện kỹ năng thực hành: sàng lọc, đánh giá tình trạng dinh dưỡng, xây dựng nhu cầu và khẩu phần ăn, tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ, đọc nhãn mác thực phẩm, kiểm nghiệm thực phẩm, bảo quản thực phẩm.
54	110.Y CC.4. 14.4	Dân số, Sức khỏe sinh sản	4	Học phần cung cấp các nội dung về những kiến thức cơ bản dân số học trong sức khỏe Cộng đồng. Các chỉ số dân số học sử dụng trong sức khỏe Cộng đồng. Tình trạng sức khỏe Cộng đồng trên cơ sở dân số học. Các cách dự báo dân số và chất lượng dân số trong bối cảnh hiện tại, tình hình già hoá dân số và đô thị hoá. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên Y học dự phòng các kiến thức nền tảng và ứng dụng trong lĩnh vực sức khỏe sinh sản. Module nhấn mạnh khả năng đánh giá tình trạng sức khỏe sinh sản cộng đồng, phát hiện nguy cơ, tư vấn, truyền thông, dự phòng và phối hợp triển khai các chương trình y tế, phù hợp vai trò của ngành Y học dự phòng trong chăm sóc sức khỏe toàn diện.
55	110.Y CC.4.	Thực tập Y học dự phòng I	4	Thực tập Y học Dự phòng I là học phần

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
	15.4			giúp sinh viên bước đầu tiếp cận thực tế cộng đồng và hệ thống y tế tuyến cơ sở (xã/phường). Thông qua các hoạt động quan sát, phỏng vấn, thu thập thông tin và mô tả các điều kiện sức khỏe – môi trường – dân số, sinh viên được rèn luyện những kỹ năng nền tảng trong thực hành y học dự phòng và y tế công cộng. Học phần trang bị cho sinh viên khả năng xây dựng và sử dụng bộ công cụ thu thập số liệu; thực hành tiếp cận, giao tiếp và phỏng vấn hộ gia đình; thu thập và mô tả thông tin về sức khỏe môi trường, sức khỏe sinh sản, hành vi sức khỏe và tình hình bệnh tật trong cộng đồng. Sinh viên đồng thời được hướng dẫn phân tích số liệu cơ bản, nhận diện các vấn đề sức khỏe ưu tiên và thực hành tổ chức một hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe phù hợp với địa bàn. Bên cạnh làm việc tại cộng đồng, sinh viên còn được tìm hiểu cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quy trình hoạt động của trạm y tế xã/phường; quan sát một số hoạt động chuyên môn và thực hành các kỹ năng cơ bản dưới sự giám sát của nhân viên y tế. Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng tổng hợp thông tin, viết báo cáo cá nhân/nhóm và trình bày kết quả thực tập theo hướng tiếp cận

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng giúp sinh viên phát triển các năng lực thực hành dự phòng nâng cao trong các học phần tiếp theo.
56	110.Y CC.4. 16.3	Thực tập Y học dự phòng II	3	Thực tập Y học Dự phòng II (TTYHDP2) là học phần thực hành chuyên sâu tại các cơ quan y tế dự phòng tuyến tỉnh và tuyến y tế khu vực, nhằm giúp sinh viên hiểu sâu hơn về cơ cấu tổ chức, chức năng – nhiệm vụ và các hoạt động chuyên môn của hệ thống y tế dự phòng. Học phần tập trung vào việc khảo sát, phân tích và đánh giá các chương trình y tế công cộng đang được triển khai tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (TTKSBT) thành phố Huế và các khoa dự phòng của Trung tâm Y tế khu vực.
57	110.Y CC.4. 17.2	Vaccin	2	Học phần Vaccin trang bị cho sinh viên ngành Y học dự phòng những kiến thức và kỹ năng cơ bản về vaccin trong chương trình tiêm chủng, bao gồm: các bệnh truyền nhiễm nằm trong chương trình Tiêm chủng mở rộng (TCMR), phân loại và đặc điểm các loại vắc xin, nguyên lý và thực hành bảo quản dây chuyền lạnh, an toàn tiêm chủng, lập kế hoạch và tổ chức buổi tiêm chủng, cũng như theo dõi và sử dụng số liệu tiêm chủng. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ công tác kiểm soát bệnh truyền nhiễm bằng vắc xin – một nội dung trọng tâm trong y tế dự phòng. Học phần có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần như vi sinh, dịch tễ học, thống kê y tế, quản lý y tế và giáo dục sức khỏe, góp phần hình

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				thành năng lực triển khai chương trình tiêm chủng tại cộng đồng sau khi ra trường.
58	110.Y CC.4. 18.2	Bệnh nghề nghiệp	2	Học phần Bệnh nghề nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cốt lõi và chuyên sâu về các bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm, các bệnh da nghề nghiệp, bệnh hô hấp, bệnh nhiễm độc thường gặp trong công nghiệp và nông nghiệp, cùng với kỹ năng quản lý và chăm sóc sức khỏe nhân viên y tế bị phơi nhiễm. Bên cạnh phần lý thuyết, học phần được tăng cường thực hành, bao gồm: điều tra ca bệnh điển hình, đo lường yếu tố nguy cơ tại nơi làm việc, xử trí phơi nhiễm nghề nghiệp, nhận diện bệnh da, và xây dựng kế hoạch dự phòng tại doanh nghiệp. Học phần có vị trí nối tiếp học phần Sức khỏe nghề nghiệp, giúp sinh viên từ kiến thức nền tảng bước sang giai đoạn ứng dụng và quản lý thực tế. Thông qua đó, sinh viên hình thành năng lực nhận diện, đánh giá và xây dựng giải pháp kiểm soát bệnh nghề nghiệp, đóng góp vào nâng cao hiệu quả công tác y tế lao động và sức khỏe cộng đồng.
59	110.Y CC.4. 19.4	Các chương trình Y tế Quốc gia - Quản lý các chương trình và dự án y tế	4	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản một cách có hệ thống về mô hình quản lý hệ thống ngành Y tế và dự án y tế. Các nội dung cơ bản trong quản lý và phát triển chương trình và dự án Y tế giúp sinh viên biết cách lựa chọn các vấn đề sức khỏe ưu tiên, phát triển đề cương dự án và cách triển khai thực tế một dự án trong lĩnh vực y tế.
60	110.Y CC.4. 20.2	Kỹ năng phân tích số liệu định lượng sử dụng các phần mềm thống kê chuyên dụng	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về ứng dụng phần mềm thống kê để phân tích số liệu trong nghiên cứu y sinh học. Học phần đặc biệt chú trọng kỹ năng thực hành trên phần mềm thống kê chuyên dụng như SPSS và một số phần mềm khác liên quan. Sinh viên được trang bị kỹ năng thực hành để có thể độc lập tiến hành phân tích số liệu từ cơ bản

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				đến các kỹ năng nâng cao bằng phần mềm thống kê. Kết thúc học phần, người học có thể hiểu, áp dụng và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu y sinh học.
61	110.Y CC.4. 21.3	Dinh dưỡng tiết chế	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu và toàn diện về khoa học dinh dưỡng tiết chế, là nền tảng thiết yếu trong thực hành y học dự phòng và lâm sàng. Các nguyên tắc dinh dưỡng tiết chế không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng cho các đối tượng, mà còn tập trung vào việc điều chỉnh thành phần và cấu trúc khẩu phần một cách khoa học nhằm dự phòng bệnh tật, hỗ trợ điều trị và quản lý sức khỏe lâu dài. Các nội dung được xây dựng trong học phần bao gồm chế độ ăn trong các bệnh thường gặp, phương pháp xây dựng khẩu phần tiết chế, kỹ thuật dinh dưỡng lâm sàng, và kỹ năng thực hành triển khai chế độ ăn cho bệnh nhân và cộng đồng, tầm quan trọng của dinh dưỡng trong phục hồi thể lực, nâng cao chất lượng cuộc sống người bệnh sau điều trị và trong giai đoạn hồi phục. Học phần còn đề cao tính liên ngành của dinh dưỡng tiết chế, gắn kết với y học lâm sàng, y tế công cộng, dược học và khoa học hành vi, từ đó trang bị cho người học năng lực xây dựng, triển khai và giám sát các chiến lược can thiệp dinh dưỡng ở cả cấp độ cá thể và cộng đồng, góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc và phòng chống bệnh tật trong hệ thống y tế. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng phân tích tình huống, xây dựng và tư vấn chế độ dinh dưỡng phù hợp trong bối cảnh y học dự phòng.
62	110.P DT.5. 07.3	Bệnh lý Nội - Nhi thường gặp tại cộng đồng	3	Học phần Bệnh lý Nội – Nhi thường gặp tại cộng đồng trang bị cho sinh viên Y học dự phòng các kiến thức cơ bản về đặc điểm dịch tễ, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán và nguyên tắc xử trí ban đầu đối với một số bệnh nội khoa và nhi khoa phổ biến tại cộng đồng. Nội dung học

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				phần tập trung vào các bệnh thường gặp như bệnh hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, chuyển hóa, bệnh nhiễm trùng và một số bệnh thường gặp ở trẻ em. Bên cạnh đó, sinh viên được học cách phát hiện sớm, tư vấn, theo dõi và quản lý bệnh tại tuyến y tế cơ sở; đồng thời lồng ghép các biện pháp dự phòng, giáo dục sức khỏe và quản lý bệnh mạn tính trong cộng đồng. Học phần góp phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức lâm sàng cơ bản vào hoạt động dự phòng, nâng cao năng lực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
63	110.Y CC.5. 22.3	Dịch tễ học thực địa cơ bản	3	Dịch tễ học thực địa cơ bản là học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nền tảng trong việc điều tra, phân tích và kiểm soát các vấn đề sức khỏe cộng đồng ngoài thực địa. Học phần tập trung vào các nguyên tắc và quy trình cơ bản của điều tra dịch tễ, từ phát hiện và xác định vụ dịch, thiết lập định nghĩa ca bệnh, thu thập và phân tích số liệu, cho đến đề xuất biện pháp can thiệp và báo cáo kết quả.
64	110.Y GD.5. 01.3	YHGD	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về chuyên ngành Y học gia đình, bao gồm các nguyên lý cốt lõi và chức năng, nhiệm vụ của bác sĩ gia đình trong hệ thống y tế. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng tư vấn và tham vấn sức khỏe với người bệnh và hộ gia đình; kỹ năng giải quyết một số vấn đề sức khỏe thường gặp trong chăm sóc ngoại trú tại cộng đồng. Trên cơ sở vận dụng sáu nguyên lý Y học

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				gia đình, sinh viên thực hành chăm sóc toàn diện cho người bệnh ở cả ba khía cạnh thể chất – tinh thần – xã hội. Đồng thời, học phần hướng dẫn sinh viên thực hiện dự phòng nâng cao sức khỏe, tầm soát, phát hiện sớm bệnh, lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe theo nguyên lý gia đình, cũng như quản lý, theo dõi sức khỏe người dân trong cộng đồng.
65	110.P DT.5. 08.3	Bệnh lý Ngoại - Sản thường gặp tại cộng đồng	3	Học Phần cung cấp cho sinh viên Y học dự phòng kiến thức nền tảng về các bệnh lý ngoại - sản khoa phổ biến có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng. Học Phần tập trung vào nhận diện yếu tố nguy cơ, hiểu cơ chế bệnh sinh, phát hiện sớm, tư vấn dự phòng và hướng dẫn quản lý ban đầu. Nội dung được xây dựng theo định hướng dự phòng – sàng lọc – kiểm soát yếu tố nguy cơ – tăng cường sức khỏe sinh sản trong cộng đồng.
66	110.Y CC.5. 23.3	Đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về đánh giá trong nâng cao sức khỏe. Nội dung học phần bao gồm các khái niệm, mục đích và các loại hình đánh giá; vai trò và ứng dụng của khung khái niệm trong việc định hướng và xây dựng kế hoạch đánh giá. Học phần đi sâu vào các loại hình đánh giá cụ thể như đánh giá ban đầu (đánh giá nhu cầu, khả năng có thể đánh giá), đánh giá quá trình, đánh giá kết quả ngắn hạn và đánh giá tác động dài hạn. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng thiết kế nghiên cứu, lựa chọn chỉ số, xây dựng công cụ, và lập kế hoạch cho một hoạt động đánh giá, cũng như kỹ năng viết báo cáo và phổ biến kết quả đánh giá một cách hiệu quả đến các bên liên quan.
67	110.Y CC.5. 24.3	Y học thảm họa - Dinh dưỡng cộng đồng	3	Học phần Y học thảm họa – Dinh dưỡng cộng đồng cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức về y học thảm họa kết hợp với

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				các nguyên tắc dinh dưỡng cộng đồng trong bối cảnh phòng chống và ứng phó thảm họa. Nội dung học phần bao gồm: khái niệm, phân loại và quản lý thảm họa; vai trò ngành y tế; hậu quả y tế công cộng; các kỹ năng thiết yếu như đánh giá nhanh nhu cầu y tế, quản lý nước sạch, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, cùng các biện pháp tổ chức đáp ứng y tế trong tình huống khẩn cấp. Qua học phần này, sinh viên phát triển năng lực phân tích, lập kế hoạch, điều phối nguồn lực và phối hợp liên ngành trong quản lý thảm họa, góp phần nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.
68	110.Y CC.4. 06.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết trong việc hình thành ý tưởng, xây dựng và triển khai một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực sức khỏe. Nội dung học phần bao gồm: khái niệm và vai trò của nghiên cứu khoa học, các loại thiết kế nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu và ước tính cỡ mẫu, kỹ thuật thu thập và phân tích số liệu, cũng như các nguyên tắc viết báo cáo và công bố công trình nghiên cứu. Song song với phần lý thuyết, sinh viên được thực hành qua các hoạt động như xây dựng đề cương nghiên cứu, phân tích và diễn giải số liệu, viết báo cáo và phản biện đề cương theo nhóm. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy khoa học, khả năng làm việc nhóm, tính trung thực và đạo đức trong nghiên cứu, đồng thời tạo nền tảng cho việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp và nghiên cứu chuyên sâu trong tương lai.
69	110.Y CC.4. 25.2	Đề tài khoa học/ khóa luận	2	Học phần Đề tài khoa học/khóa luận giúp sinh viên Y học dự phòng vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu khoa

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				học để giải quyết một vấn đề sức khỏe cộng đồng. Trong học phần này, sinh viên được hướng dẫn xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề cương, lựa chọn thiết kế nghiên cứu phù hợp, xây dựng công cụ thu thập số liệu và thực hiện thu thập, xử lý, phân tích số liệu. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng tìm kiếm và trích dẫn tài liệu khoa học, viết báo cáo nghiên cứu theo cấu trúc chuẩn, cũng như trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu. Thông qua quá trình thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên phát triển tư duy khoa học, kỹ năng phân tích và khả năng vận dụng bằng chứng vào thực hành y học dự phòng. Học phần góp phần hình thành năng lực nghiên cứu và giải quyết các vấn đề sức khỏe trong cộng đồng.
70	110.Y CC.4. 26.2	Lý thuyết tốt nghiệp	2	Học phần Lý thuyết tốt nghiệp được thiết kế nhằm giúp sinh viên ngành Y học dự phòng hệ thống hóa, củng cố và tích hợp các kiến thức đã học trong toàn bộ chương trình đào tạo.
71	110.Y CC.4. 27.2	Thực hành tốt nghiệp	2	Học phần Thực hành tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên ngành Y học dự phòng vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn hoạt động y tế dự phòng tại cộng đồng và cơ sở y tế.
1	110.Y CC.5. 28.3	Y học lao động	3	Học phần Y học lao động trang bị cho sinh viên kiến thức y học chuyên sâu về chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh nghề nghiệp, cùng với các rối loạn sức khỏe liên quan đến điều kiện lao động. Nội dung bao gồm: nhận diện triệu chứng lâm sàng, chỉ định và diễn giải các xét nghiệm cận lâm sàng thường dùng trong y học lao động; đánh giá ảnh hưởng của yếu tố nghề nghiệp đến sức khỏe từng cá nhân; xây dựng kế hoạch theo dõi, chăm sóc và phục hồi sức khỏe người lao động. Học phần này có mối liên hệ chặt chẽ với Sức khỏe nghề nghiệp, vốn cung cấp nền tảng về yếu tố nguy cơ và quản lý sức khỏe cộng đồng trong môi trường lao động.

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				Trong khi đó, Y học lao động tập trung vào khía cạnh lâm sàng và thực hành y khoa, giúp sinh viên vận dụng kiến thức y học để giải quyết các vấn đề sức khỏe nghề nghiệp cụ thể. Qua đó, sinh viên được chuẩn bị năng lực phối hợp trong công tác chăm sóc, điều trị và dự phòng bệnh nghề nghiệp tại Việt Nam.
2	110.Y CC.5. 29.3	Giám sát môi trường	3	Học phần Giám sát môi trường trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản trong việc theo dõi, đo đạc, phân tích và đánh giá các yếu tố môi trường có ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, bao gồm không khí, nước, đất, tiếng ồn, vi sinh vật và hóa chất. Sinh viên sẽ được hướng dẫn các phương pháp lấy mẫu, sử dụng thiết bị đo, xử lý và diễn giải dữ liệu giám sát môi trường, từ đó đưa ra các nhận định khoa học về mức độ an toàn và nguy cơ sức khỏe. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với Sức khỏe môi trường, vốn cung cấp nền tảng lý thuyết về tác động của môi trường đến sức khỏe. Trong khi đó, Giám sát môi trường tập trung vào kỹ năng thực hành và ứng dụng phương pháp giám sát nhằm phát hiện sớm nguy cơ, phục vụ công tác quản lý và can thiệp y tế công cộng. Qua đó, sinh viên được chuẩn bị năng lực tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
3	110.Y CC.5. 30.3	Đô thị hoá và sức khỏe	3	Học phần Đô thị hóa và sức khỏe cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và chuyên sâu về mối quan hệ giữa quá trình đô thị hóa và các vấn đề sức khỏe cộng đồng. Nội dung tập trung vào phân tích tác động của đô thị hóa đến dịch tễ học bệnh truyền nhiễm và không lây, chất lượng môi trường, hành vi sức khỏe và bất bình đẳng y tế. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng đánh giá nguy cơ, giám sát các yếu tố môi trường – xã hội đô thị, và đề xuất biện

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				pháp can thiệp nhằm giảm thiểu tác động bất lợi của đô thị hóa đối với sức khỏe. Học phần giữ vị trí bổ sung và phát triển sau các học phần Sức khỏe môi trường và Dịch tễ học, đồng thời có liên hệ chặt chẽ với Sức khỏe nghề nghiệp. Qua đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức liên ngành để xây dựng chiến lược quản lý, quy hoạch và chính sách y tế đô thị, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh phát triển bền vững.
4	110.Y CC.5. 31.3	Y học thể thao	3	Học phần Y học thể thao cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản trong dự phòng, chẩn đoán, điều trị và phục hồi các chấn thương, rối loạn sức khỏe liên quan đến hoạt động thể dục thể thao. Nội dung bao gồm: sinh lý học vận động; chấn thương cơ – xương – khớp thường gặp trong luyện tập và thi đấu; nguyên tắc cấp cứu và xử trí ban đầu; phương pháp phục hồi chức năng và dinh dưỡng trong thể thao; vai trò của hoạt động thể chất trong dự phòng bệnh mạn tính. Học phần này có mối liên hệ hỗ trợ với Sức khỏe nghề nghiệp và Y học lao động, khi cùng chia sẻ trọng tâm về mối quan hệ giữa hoạt động cơ thể – môi trường – sức khỏe. Trong khi Y học lao động tập trung vào sức khỏe trong môi trường lao động, thì Y học thể thao nhấn mạnh đến tối ưu hóa vận động và bảo vệ sức khỏe vận động viên và người tập luyện. Qua đó, sinh viên được chuẩn bị để tham gia công tác chăm sóc sức khỏe trong cả môi trường lao động lẫn thể thao cộng đồng.
5	110.Y CC.5. 32.3	Sức khỏe ngư dân	3	Học phần Sức khỏe ngư dân trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về đặc thù lao động nghề cá và những nguy cơ sức khỏe liên quan. Nội dung bao gồm: điều kiện lao động trên biển, các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp (tai nạn, đuối nước, thời tiết cực đoan, tiếng ồn, rung,

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				hóa chất bảo quản thủy sản); các bệnh nghề nghiệp và bệnh mạn tính thường gặp ở ngư dân; tác động của môi trường biển và biến đổi khí hậu đến sức khỏe cộng đồng ngư dân. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với Sức khỏe nghề nghiệp (đánh giá và quản lý rủi ro lao động) và Sức khỏe môi trường (tác động của môi trường biển). Qua đó, sinh viên rèn luyện kỹ năng phát hiện, phân tích nguy cơ và đề xuất giải pháp can thiệp nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe ngư dân, góp phần phát triển bền vững ngành thủy sản và cộng đồng ven biển
6	110.Y CC.5. 33.3	Đánh giá hoạt động y tế	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quá trình đánh giá trong lĩnh vực y tế công cộng. Sinh viên được trang bị khả năng xác định mục tiêu, lựa chọn chỉ số, xây dựng kế hoạch, áp dụng các phương pháp đánh giá, đo lường gánh nặng bệnh tật và phân tích hiệu quả kinh tế y tế. Học phần còn giúp người học vận dụng các công cụ và phương pháp nghiên cứu để tổ chức, giám sát, tổng hợp và viết báo cáo đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng và hỗ trợ ra quyết định trong quản lý y tế.
7	110.Y CC.5. 34.3	Thiết kế dự án y tế	3	Học phần cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức cơ bản và có hệ thống về các chương trình, dự án y tế và cách lên chiến lược thiết kế các dự án y tế. Thông qua học phần, sinh viên được trang bị các nội dung cốt lõi trong quản lý và phát triển chương trình, dự án y tế; từ đó có khả năng xác định và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên, xây dựng chương trình dự án, đồng thời nắm được quy trình triển khai một dự án y tế trong thực tiễn.
8	110.Y CC.5. 35.3	Quản lý vấn đề lây nhiễm HIV ở cộng đồng	3	Học phần Quản lý vấn đề lây nhiễm HIV ở cộng đồng trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về dịch tễ, cơ chế bệnh,

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				dự phòng, chăm sóc sức khỏe và quản lý người nhiễm HIV tại cộng đồng. Làm nền tảng cho sinh viên tham gia các hoạt động dự phòng, chăm sóc và huy động nguồn lực cộng đồng trong công tác phòng chống HIV/AIDS.
9	110.Y CC.5. 36.3	Quản lý dịch và thảm họa	3	Học phần Quản lý dịch và thảm họa trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cốt lõi về nhận diện, đánh giá và quản lý các tình huống khẩn cấp y tế công cộng, bao gồm dịch bệnh truyền nhiễm, thảm họa thiên tai và thảm họa do con người gây ra. Nội dung tập trung vào quy trình giám sát dịch tễ, phân tích nguy cơ, xây dựng kế hoạch ứng phó và triển khai các biện pháp can thiệp kịp thời nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Sinh viên được rèn luyện năng lực phối hợp đa ngành, truyền thông rủi ro và huy động nguồn lực trong bối cảnh khẩn cấp. Học phần này có mối liên hệ chặt chẽ với Dịch tễ học (cung cấp công cụ phân tích số liệu, điều tra dịch tễ) và Y học thảm họa (đưa ra khung lý thuyết về cấp cứu và quản lý khẩn cấp). Với vai trò học phần ứng dụng, Quản lý dịch và thảm họa góp phần củng cố năng lực thực hành y tế công cộng và tăng cường khả năng đáp ứng của sinh viên trước các thách thức sức khỏe cộng đồng hiện nay.
10	110.Y CC.5. 37.3	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực y tế	3	Thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân cần nhiều nguồn lực khác nhau nhưng nguồn lực quan trọng nhất vẫn là nhân lực y tế. Nếu thiếu kế hoạch phát triển nguồn nhân lực thì các nguồn lực khác dành cho y tế không thể sử dụng có hiệu quả được. Quản lý tốt nguồn nhân lực cũng có nghĩa là phải có kế hoạch phát triển nhân lực hợp lý, xác định các hình thức đào tạo, triển khai và sử dụng đúng số lượng, đúng kỹ năng, trình độ ngành đào tạo của cán bộ. Đối với mọi cơ sở y tế, muốn quản lý và phát triển nhân lực tốt thì phải sử dụng nguồn nhân lực hiện có, có kế hoạch bồi

St t	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Mô tả học phần
				duỡng nguồn nhân lực hợp lý và có chế độ đãi ngộ thích đáng để họ hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của cơ quan tổ chức và có thể đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân hiện tại và tương lai.
11	110.Y CC.5. 38.3	Sức khỏe tình dục	3	Những khái niệm cơ bản về sức khỏe sinh sản và tình dục. Tình trạng sức khỏe sinh sản hiện nay và các yếu tố ảnh hưởng. Các biện pháp chăm sóc sức khỏe hiện nay của Việt Nam.

11. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo

STT	HỌ VÀ TÊN	BỘ MÔN
1	Phan Thị Thanh Hương	BM CDHA
2	Trần Thị Sông Hương	BM CDHA
3	Hà Thị Hiền	BM CDHA
4	Hoàng Thị Ngọc Hà	BM CDHA
5	Lê Minh Tuấn	BM CDHA
6	Nguyễn Công Quỳnh	BM CDHA
7	Lê Văn Ngọc Cường	BM CDHA
8	Lê Trọng Bình	BM CDHA
9	Ngô Đắc Hồng Ân	BM CDHA
10	Trần Hồng Phương Dung	BM CDHA
11	Văn Nữ Thùy Linh	BM CDHA
12	Hoàng Trung Hiếu	BM CDHA
13	Đặng Cẩm Nhung	BM CDHA
14	Nguyễn Thanh Thảo	BM CDHA
15	Võ Tường Thảo Vy	BM Da liễu
16	Mai Bá Hoàng Anh	BM Da liễu
17	Nguyễn Thị Trà My	BM Da liễu
18	Lê Tuấn Linh	BM DTYH
19	Hà Thị Minh Thi	BM DTYH
20	Đoàn Thị Duyên Anh	BM DTYH
21	Lê Phan Tường Quỳnh	BM DTYH
22	Trần Văn Hòa	BM Dược lý
23	Lê Chuyển	BM Dược lý
24	Nguyễn Thành Tín	BM Dược lý
25	Lê Thị Hồng Vân	BM Dược lý
26	Nguyễn Lê Hồng Vân	BM Dược lý
27	Đỗ Thị Hồng Diệp	BM Dược lý
28	Trần Vũ Huấn	BM GMHS-CC
29	Võ Việt Hà	BM GMHS-CC

30	Trần Xuân Thịnh	BM GMHS-CC
31	Bùi Thị Thuý Nga	BM GMHS-CC
32	Lê Văn Long	BM GMHS-CC
33	Phan Thắng	BM GMHS-CC
34	Nguyễn Khánh Huy	BM GMHS-CC
35	Bùi Thị Thương	BM GMHS-CC
36	Trần Thị Thu Lành	BM GMHS-CC
37	Phạm Thị Minh Thư	BM GMHS-CC
38	Nguyễn Văn Minh	BM GMHS-CC
39	Lê Văn Tâm	BM GMHS-CC
40	Nguyễn Bá Lưu	BM GP-PTTH
41	Nguyễn Trường An	BM GP-PTTH
42	Nguyễn Thành Phúc	BM GP-PTTH
43	Đặng Lê Hoàng Nam	BM GP-PTTH
44	Nguyễn Hoàng	BM GP-PTTH
45	Nguyễn Đình Sơn	BM GP-PTTH
46	Nguyễn Hữu Trí	BM GP-PTTH
47	Nguyễn Thị Hồng Thuý	BM Hóa sinh
48	Phạm Thắng Long	BM Hóa sinh
49	Nguyễn Minh Quang	BM Hóa sinh
50	Hoàng Thị Thu Hương	BM Hóa sinh
51	Phù Thị Hoa	BM Hóa sinh
52	Phan Thị Minh Tâm	BM Hóa sinh
53	Trần Thị Tiên Xinh	BM Hóa sinh
54	Ngô Thị Minh Châu	BM KST
55	Lê Chí Cao	BM KST
56	Tôn Nữ Phương Anh	BM KST
57	Lê Viết Nhật Hưng	BM Mắt
58	Phan Văn Năm	BM Mắt
59	Đỗ Long	BM Mắt
60	Trần Nguyễn Trà My	BM Mắt
61	Lê Đăng Võ	BM MDSLБ
62	Nguyễn Thị Huyền	BM MDSLБ
63	Lê Bá Hứa	BM MDSLБ
64	Phan Thị Minh Phương	BM MDSLБ
65	Phan Thị Hằng Giang	BM MDSLБ
66	Trần Thanh Loan	BM MDSLБ
67	Phan Ngọc Đan Thanh	BM MDSLБ
68	Nguyễn Văn Mão	BM MP-GPB&PY
69	Đặng Công Thuận	BM MP-GPB&PY
70	Nguyễn Phạm Phước Toàn	BM MP-GPB&PY
71	Nguyễn Trần Bảo Song	BM MP-GPB&PY
72	Nguyễn Phương Thảo Tiên	BM MP-GPB&PY
73	Nguyễn Thị Thuý Uyên	BM MP-GPB&PY

74	Võ Thị Hạnh Thảo	BM MP-GPB&PY
75	Trần Thị Nam Phương	BM MP-GPB&PY
76	Lê Thị Thu Thảo	BM MP-GPB&PY
77	Hoàng Anh Tiến	BM Nội
78	Nguyễn Anh Vũ	BM Nội
79	Lê Thị Bích Thuận	BM Nội
80	Hoàng Việt Thắng	BM Nội
81	Hoàng Khánh	BM Nội
82	Nguyễn Hải Thủy	BM Nội
83	Văn Thị Minh An	BM Nội
84	Huỳnh Văn Minh	BM Nội
85	Võ Tam	BM Nội
86	Trần Văn Huy	BM Nội
87	Lê Văn Chi	BM Nội
88	Hoàng Bùi Bảo	BM Nội
89	Nguyễn Đình Toàn	BM Nội
90	Trương Xuân Long	BM Nội
91	Nguyễn Duy Duẩn	BM Nội
92	Phạm Minh Trãi	BM Nội
93	Lê Phước Hoàng	BM Nội
94	Đoàn Phạm Phước Long	BM Nội
95	Nguyễn Xuân Nhân	BM Nội
96	Hồ Ngọc Tiến Đạt	BM Nội
97	Trần Duy Khiêm	BM Nội
98	Lê Thanh Minh Triết	BM Nội
99	Nguyễn Hoàng Thanh Vân	BM Nội
100	Nguyễn Phan Hồng Ngọc	BM Nội
101	Đoàn Thị Thiện Hảo	BM Nội
102	Trần Thị Kim Anh	BM Nội
103	Võ Thị Hoài Hương	BM Nội
104	Phan Thị Thùy Vân	BM Nội
105	Hoàng Ngọc Diệu Trâm	BM Nội
106	Nguyễn Thị Ý Nhi	BM Nội
107	Trần Thanh Tùng	BM Nội
108	Lương Việt Thắng	BM Nội
109	Trần Đức Hoàng	BM Ngoại
110	Nguyễn Minh Thảo	BM Ngoại
111	Lê Hồng Phúc	BM Ngoại
112	Lê Quang Thửu	BM Ngoại
113	Lê Nghi Thành Nhân	BM Ngoại
114	Phạm Anh Vũ	BM Ngoại
115	Nguyễn Thanh Minh	BM Ngoại
116	Lê Đình Đạm	BM Ngoại
117	Nguyễn Đoàn Văn Phú	BM Ngoại

118	Phạm Minh Đức	BM Ngoại
119	Nguyễn Nhật Minh	BM Ngoại
120	Đặng Như Thành	BM Ngoại
121	Hoàng Đình Anh Hào	BM Ngoại
122	Nguyễn Xuân Mỹ	BM Ngoại
123	Trần Nhật Tiến	BM Ngoại
124	Trần Hữu Dũng	BM Ngoại
125	Phan Đình Tuấn Dũng	BM Ngoại
126	Hoàng Thị Thuỷ Yên	BM Nhi
127	Đỗ Hồ Tĩnh Tâm	BM Nhi
128	Võ Thị Thu Thuỷ	BM Nhi
129	Nguyễn Thị Thanh Bình	BM Nhi
130	Nguyễn Thị Thanh Bình	BM Nhi
131	Phan Hùng Việt	BM Nhi
132	Bùi Bình Bảo Sơn	BM Nhi
133	Trần Vĩnh Phú	BM Nhi
134	Nguyễn Thị Cự	BM Nhi
135	Tôn Nữ Vân Anh	BM Nhi
136	Nguyễn Phúc Thu Trang	BM Nhi
137	Hồ Lý Minh Tiên	BM Nhi
138	Lê Thy Phương Anh	BM Nhi
139	Phạm Võ Phương Thảo	BM Nhi
140	Trương Thị Na	BM Nhi
141	Lê Bình Phương Nguyên	BM Nhi
142	Đặng Thị Thu Hằng	BM Nhi
143	Nguyễn Linh Giang	BM Nhi
144	Nguyễn Hữu Châu Đức	BM Nhi
145	Phạm Thị Thạch Thảo	BM Phụ Sản
146	Hoàng Thế Hiệp	BM Phụ Sản
147	Võ Văn Đức	BM Phụ Sản
148	Trần Doãn Tú	BM Phụ Sản
149	Lê Lam Hương	BM Phụ Sản
150	Cao Ngọc Thành	BM Phụ Sản
151	Trương Quang Vinh	BM Phụ Sản
152	Nguyễn Vũ Quốc Huy	BM Phụ Sản
153	Lê Minh Tâm	BM Phụ Sản
154	Võ Văn Khoa	BM Phụ Sản
155	Nguyễn Đắc Nguyên	BM Phụ Sản
156	Hồ Trần Tuấn Hùng	BM Phụ Sản
157	Võ Hoàng Lâm	BM Phụ Sản
158	Nguyễn Thị Kim Anh	BM Phụ Sản
159	Trương Thị Linh Giang	BM Phụ Sản
160	Trần Thị Ngọc Bích	BM Phụ Sản
161	Nguyễn Tuyết Trinh	BM Phụ Sản

162	Bùi Mạnh Hùng	BM Sinh lý
163	Nguyễn Thị Thuý Hằng	BM Sinh lý
164	Nguyễn Hải Quý Trâm	BM Sinh lý
165	Nguyễn Thị Hiếu Dung	BM Sinh lý
166	Hoàng Thị Mai Thanh	BM Sinh lý
167	Lê Thanh Thái	BM TMH
168	Võ Đoàn Minh Nhật	BM TMH
169	Đặng Thanh	BM TMH
170	Nguyễn Nguyễn	BM TMH
171	Hoàng Phước Minh	BM TMH
172	Phan Hữu Ngọc Minh	BM TMH
173	Hồ Minh Trí	BM TMH
174	Dương Thị Mỹ	BM TMH
175	Trần Đình Bình	BM Vi sinh
176	Lê Văn An	BM Vi sinh
177	Ngô Viết Quỳnh Trâm	BM Vi sinh
178	Lê Thị Bảo Chi	BM Vi sinh
179	Nguyễn Thị Châu Anh	BM Vi sinh
180	Nguyễn Thị Khánh Linh	BM Vi sinh
181	Hồ Anh Hiến	BM Y học gia đình
182	Nguyễn Thị Thanh Huyền	BM Y học gia đình
183	Võ Đức Toàn	BM YHGĐ
184	Trần Nam Đông	Bộ môn GPB-PY
185	Trần Thuý Hiền	Khoa Cơ Bản
186	Nguyễn Minh Hoa	Khoa Cơ Bản
187	Đặng Thị Ngọc Hoa	Khoa Cơ Bản
188	Đỗ Quang Tâm	Khoa Cơ Bản
189	Hoàng Thanh Hải	Khoa Cơ Bản
190	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ Bản
191	Huỳnh Minh Sơn	Khoa Cơ Bản
192	Nguyễn Vĩnh Phú	Khoa Cơ Bản
193	Võ Thị Tuyết Vi	Khoa Cơ Bản
194	Ngô Thị Thuận	Khoa Cơ Bản
195	Nguyễn Thị Hồng Nga	Khoa Cơ Bản
196	Nguyễn Trường Sơn	Khoa Điều Dưỡng
197	Hồ Duy Bình	Khoa Điều Dưỡng
198	Võ Thanh Tôn	Khoa Điều Dưỡng
199	Mai Bá Hải	Khoa Điều Dưỡng
200	Đào Nguyễn Diệu Trang	Khoa Điều Dưỡng
201	Dương Thị Ngọc Lan	Khoa Điều Dưỡng
202	Hồ Thị Thùy Trang	Khoa Điều Dưỡng
203	Tôn Nữ Minh Đức	Khoa Điều Dưỡng
204	Trần Thị Nguyệt	Khoa Điều Dưỡng
205	Đặng Thị Thanh Phúc	Khoa Điều Dưỡng

206	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Khoa Điều Dưỡng
207	Võ Thị Nhi	Khoa Điều Dưỡng
208	Phạm Thị Thúy Vũ	Khoa Điều Dưỡng
209	Hoàng Vũ Minh	Khoa RHM
210	Lê Thị Thu Nga	Khoa RHM
211	Nguyễn Toại	Khoa RHM
212	Trần Tấn Tài	Khoa RHM
213	Lê Đức Thịnh	Khoa RHM
214	Nguyễn Văn Minh	Khoa RHM
215	Trần Xuân Phương	Khoa RHM
216	Trần Thiện Mẫn	Khoa RHM
217	Hoàng Minh Phương	Khoa RHM
218	Đặng Minh Huy	Khoa RHM
219	Lê Văn Nhật Thắng	Khoa RHM
220	Võ Khắc Tráng	Khoa RHM
221	Cung Thiện Hải	Khoa RHM
222	Nguyễn Thanh Minh	Khoa RHM
223	Phạm Nữ Như Ý	Khoa RHM
224	Hoàng Anh Đào	Khoa RHM
225	Phan Anh Chi	Khoa RHM
226	Nguyễn Ngọc Tâm Đan	Khoa RHM
227	Nguyễn Thị Thanh Hoàng	Khoa RHM
228	Nguyễn Thị Thùy Dương	Khoa RHM
229	Châu Ngọc Phương Thanh	Khoa RHM
230	Lê Thị Quỳnh Thư	Khoa RHM
231	Lê Hà Thùy Nhung	Khoa RHM
232	Lê Nguyễn Thùy Dương	Khoa RHM
233	Trần Thị Huyền Phương	Khoa RHM
234	Nguyễn Thị Nhật Vy	Khoa RHM
235	Nguyễn Gia Kiều Ngân	Khoa RHM
236	Nguyễn Đức Quỳnh Trang	Khoa RHM
237	Nguyễn Thị Phương Thảo	Khoa RHM
238	Nguyễn Lê Minh Trang	Khoa RHM
239	Hồ Xuân Anh Ngọc	Khoa RHM
240	Đỗ Phan Quỳnh Mai	Khoa RHM
241	Nguyễn Thị Hải Trinh	Khoa RHM
242	Trần Thị Tố Uyên	Khoa RHM
243	Trần Thị Quỳnh Như	Khoa RHM
244	Lê Mỹ Hương	Khoa RHM
245	Lê Thị Khánh Huyền	Khoa RHM
246	Đoàn Văn Minh	Khoa YHCT
247	Nguyễn Ngọc Lê	Khoa YHCT
248	Đoàn Thị Nhật Lệ	Khoa YHCT
249	Nguyễn Quang Tâm	Khoa YHCT

250	Nguyễn Thiện Phước	Khoa YHCT
251	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa YHCT
252	Nguyễn Văn Hưng	Khoa YHCT
253	Nguyễn Thị Hương Lam	Khoa YHCT
254	Lê Thị Thu Thảo	Khoa YHCT
255	Lê Thị Minh Thảo	Khoa YHCT
256	Nguyễn Văn Hùng	Khoa YTCC
257	Nguyễn Thị Hường	Khoa YTCC
258	Trần Bình Thắng	Khoa YTCC
259	Trần Thị Thanh Nhân	Khoa YTCC
260	Trần Thị Mai Liên	Khoa YTCC
261	Trần Văn Vui	Khoa YTCC
262	Lê Đình Dương	Khoa YTCC
263	Trần Đại Tri Hân	Khoa YTCC
264	Trần Xuân Minh Trí	Khoa YTCC
265	Đặng Cao Khoa	Khoa YTCC
266	Võ Minh Hoàng	Khoa YTCC
267	Đoàn Vương Diễm Khánh	Khoa YTCC
268	Lê Thị Bích Thuý	Khoa YTCC
269	Ngô Viết Lộc	Khoa YTCC
270	Nguyễn Hoàng Thùy Linh	Khoa YTCC
271	Võ Nữ Hồng Đức	Khoa YTCC
272	Nguyễn Thị Đăng Thu	Khoa YTCC

STT	HỌ VÀ TÊN	BỘ MÔN
1	Phan Thị Thanh Hương	BM CDHA
2	Trần Thị Sông Hương	BM CDHA
3	Hà Thị Hiền	BM CDHA
4	Hoàng Thị Ngọc Hà	BM CDHA
5	Lê Minh Tuấn	BM CDHA
6	Nguyễn Công Quỳnh	BM CDHA
7	Lê Văn Ngọc Cường	BM CDHA
8	Lê Trọng Bình	BM CDHA
9	Ngô Đắc Hồng Ân	BM CDHA
10	Trần Hồng Phương Dung	BM CDHA
11	Văn Nữ Thùy Linh	BM CDHA
12	Hoàng Trung Hiếu	BM CDHA
13	Đặng Cẩm Nhung	BM CDHA
14	Nguyễn Thanh Thảo	BM CDHA
15	Võ Tường Thảo Vy	BM Da liễu
16	Mai Bá Hoàng Anh	BM Da liễu

17	Nguyễn Thị Trà My	BM Da liễu
18	Lê Tuấn Linh	BM DTYH
19	Hà Thị Minh Thi	BM DTYH
20	Đoàn Thị Duyên Anh	BM DTYH
21	Lê Phan Tường Quỳnh	BM DTYH
22	Trần Văn Hòa	BM Dược lý
23	Lê Chuyền	BM Dược lý
24	Nguyễn Thành Tín	BM Dược lý
25	Lê Thị Hồng Vân	BM Dược lý
26	Nguyễn Lê Hồng Vân	BM Dược lý
27	Đỗ Thị Hồng Diệp	BM Dược lý
28	Trần Vũ Huân	BM GMHS-CC
29	Võ Việt Hà	BM GMHS-CC
30	Trần Xuân Thịnh	BM GMHS-CC
31	Bùi Thị Thuý Nga	BM GMHS-CC
32	Lê Văn Long	BM GMHS-CC
33	Phan Thắng	BM GMHS-CC
34	Nguyễn Khánh Huy	BM GMHS-CC
35	Bùi Thị Thương	BM GMHS-CC
36	Trần Thị Thu Lành	BM GMHS-CC
37	Phạm Thị Minh Thư	BM GMHS-CC
38	Nguyễn Văn Minh	BM GMHS-CC
39	Lê Văn Tâm	BM GMHS-CC
40	Nguyễn Bá Lưu	BM GP-PTTH
41	Nguyễn Trường An	BM GP-PTTH
42	Nguyễn Thành Phúc	BM GP-PTTH
43	Đặng Lê Hoàng Nam	BM GP-PTTH
44	Nguyễn Hoàng	BM GP-PTTH
45	Nguyễn Đình Sơn	BM GP-PTTH
46	Nguyễn Hữu Trí	BM GP-PTTH
47	Nguyễn Thị Hồng Thủy	BM Hóa sinh
48	Phạm Thăng Long	BM Hóa sinh
49	Nguyễn Minh Quang	BM Hóa sinh
50	Hoàng Thị Thu Hương	BM Hóa sinh
51	Phù Thị Hoa	BM Hóa sinh
52	Phan Thị Minh Tâm	BM Hóa sinh
53	Trần Thị Tiên Xinh	BM Hóa sinh
54	Ngô Thị Minh Châu	BM KST
55	Lê Chí Cao	BM KST
56	Tôn Nữ Phương Anh	BM KST
57	Lê Viết Nhật Hưng	BM Mắt
58	Phan Văn Năm	BM Mắt
59	Đỗ Long	BM Mắt
60	Trần Nguyễn Trà My	BM Mắt

61	Lê Đăng Võ	BM MDSLБ
62	Nguyễn Thị Huyền	BM MDSLБ
63	Lê Bá Hứa	BM MDSLБ
64	Phan Thị Minh Phương	BM MDSLБ
65	Phan Thị Hằng Giang	BM MDSLБ
66	Trần Thanh Loan	BM MDSLБ
67	Phan Ngọc Đan Thanh	BM MDSLБ
68	Nguyễn Văn Mão	BM MP-GPB&PY
69	Đặng Công Thuận	BM MP-GPB&PY
70	Nguyễn Phạm Phước Toàn	BM MP-GPB&PY
71	Nguyễn Trần Bảo Song	BM MP-GPB&PY
72	Nguyễn Phương Thảo Tiên	BM MP-GPB&PY
73	Nguyễn Thị Thuỷ Uyên	BM MP-GPB&PY
74	Võ Thị Hạnh Thảo	BM MP-GPB&PY
75	Trần Thị Nam Phương	BM MP-GPB&PY
76	Lê Thị Thu Thảo	BM MP-GPB&PY
77	Hoàng Anh Tiến	BM Nội
78	Nguyễn Anh Vũ	BM Nội
79	Lê Thị Bích Thuận	BM Nội
80	Hoàng Viэт Thắng	BM Nội
81	Hoàng Khánh	BM Nội
82	Nguyễn Hải Thủy	BM Nội
83	Văn Thị Minh An	BM Nội
84	Huỳnh Văn Minh	BM Nội
85	Võ Tam	BM Nội
86	Trần Văn Huy	BM Nội
87	Lê Văn Chi	BM Nội
88	Hoàng Bùi Bảo	BM Nội
89	Nguyễn Đình Toàn	BM Nội
90	Trương Xuân Long	BM Nội
91	Nguyễn Duy Duẩn	BM Nội
92	Phạm Minh Trãi	BM Nội
93	Lê Phước Hoàng	BM Nội
94	Đoàn Phạm Phước Long	BM Nội
95	Nguyễn Xuân Nhân	BM Nội
96	Hồ Ngọc Tiến Đạt	BM Nội
97	Trần Duy Khiêm	BM Nội
98	Lê Thanh Minh Triết	BM Nội
99	Nguyễn Hoàng Thanh Vân	BM Nội
100	Nguyễn Phan Hồng Ngọc	BM Nội
101	Đoàn Thị Thiện Hảo	BM Nội
102	Trần Thị Kim Anh	BM Nội
103	Võ Thị Hoài Hương	BM Nội
104	Phan Thị Thùy Vân	BM Nội

105	Hoàng Ngọc Diệu Trâm	BM Nội
106	Nguyễn Thị Ý Nhi	BM Nội
107	Trần Thanh Tùng	BM Nội
108	Lương Việt Thắng	BM Nội
109	Trần Đức Hoàng	BM Ngoại
110	Nguyễn Minh Thảo	BM Ngoại
111	Lê Hồng Phúc	BM Ngoại
112	Lê Quang Thử	BM Ngoại
113	Lê Nghi Thành Nhân	BM Ngoại
114	Phạm Anh Vũ	BM Ngoại
115	Nguyễn Thanh Minh	BM Ngoại
116	Lê Đình Đạm	BM Ngoại
117	Nguyễn Đoàn Văn Phú	BM Ngoại
118	Phạm Minh Đức	BM Ngoại
119	Nguyễn Nhật Minh	BM Ngoại
120	Đặng Như Thành	BM Ngoại
121	Hoàng Đình Anh Hào	BM Ngoại
122	Nguyễn Xuân Mỹ	BM Ngoại
123	Trần Nhật Tiến	BM Ngoại
124	Trần Hữu Dũng	BM Ngoại
125	Phan Đình Tuấn Dũng	BM Ngoại
126	Hoàng Thị Thuỷ Yên	BM Nhi
127	Đỗ Hồ Tĩnh Tâm	BM Nhi
128	Võ Thị Thu Thuỷ	BM Nhi
129	Nguyễn Thị Thanh Bình	BM Nhi
130	Nguyễn Thị Thanh Bình	BM Nhi
131	Phan Hùng Việt	BM Nhi
132	Bùi Bình Bảo Sơn	BM Nhi
133	Trần Vĩnh Phú	BM Nhi
134	Nguyễn Thị Cự	BM Nhi
135	Tôn Nữ Vân Anh	BM Nhi
136	Nguyễn Phúc Thu Trang	BM Nhi
137	Hồ Lý Minh Tiên	BM Nhi
138	Lê Thy Phương Anh	BM Nhi
139	Phạm Võ Phương Thảo	BM Nhi
140	Trương Thị Na	BM Nhi
141	Lê Bình Phương Nguyên	BM Nhi
142	Đặng Thị Thu Hằng	BM Nhi
143	Nguyễn Linh Giang	BM Nhi
144	Nguyễn Hữu Châu Đức	BM Nhi
145	Phạm Thị Thạch Thảo	BM Phụ Sản
146	Hoàng Thế Hiệp	BM Phụ Sản
147	Võ Văn Đức	BM Phụ Sản
148	Trần Doãn Tú	BM Phụ Sản

149	Lê Lam Hương	BM Phụ Sản
150	Cao Ngọc Thành	BM Phụ Sản
151	Trương Quang Vinh	BM Phụ Sản
152	Nguyễn Vũ Quốc Huy	BM Phụ Sản
153	Lê Minh Tâm	BM Phụ Sản
154	Võ Văn Khoa	BM Phụ Sản
155	Nguyễn Đắc Nguyên	BM Phụ Sản
156	Hồ Trần Tuấn Hùng	BM Phụ Sản
157	Võ Hoàng Lâm	BM Phụ Sản
158	Nguyễn Thị Kim Anh	BM Phụ Sản
159	Trương Thị Linh Giang	BM Phụ Sản
160	Trần Thị Ngọc Bích	BM Phụ Sản
161	Nguyễn Tuyết Trinh	BM Phụ Sản
162	Bùi Mạnh Hùng	BM Sinh lý
163	Nguyễn Thị Thuý Hằng	BM Sinh lý
164	Nguyễn Hải Quý Trâm	BM Sinh lý
165	Nguyễn Thị Hiếu Dung	BM Sinh lý
166	Hoàng Thị Mai Thanh	BM Sinh lý
167	Lê Thanh Thái	BM TMH
168	Võ Đoàn Minh Nhật	BM TMH
169	Đặng Thanh	BM TMH
170	Nguyễn Nguyễn	BM TMH
171	Hoàng Phước Minh	BM TMH
172	Phan Hữu Ngọc Minh	BM TMH
173	Hồ Minh Trí	BM TMH
174	Dương Thị Mỹ	BM TMH
175	Trần Đình Bình	BM Vi sinh
176	Lê Văn An	BM Vi sinh
177	Ngô Viết Quỳnh Trâm	BM Vi sinh
178	Lê Thị Bảo Chi	BM Vi sinh
179	Nguyễn Thị Châu Anh	BM Vi sinh
180	Nguyễn Thị Khánh Linh	BM Vi sinh
181	Hồ Anh Hiến	BM Y học gia đình
182	Nguyễn Thị Thanh Huyền	BM Y học gia đình
183	Võ Đức Toàn	BM YHGD
184	Trần Nam Đông	Bộ môn GPB-PY
185	Trần Thuý Hiền	Khoa Cơ Bản
186	Nguyễn Minh Hoa	Khoa Cơ Bản
187	Đặng Thị Ngọc Hoa	Khoa Cơ Bản
188	Đỗ Quang Tâm	Khoa Cơ Bản
189	Hoàng Thanh Hải	Khoa Cơ Bản
190	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ Bản
191	Huỳnh Minh Sơn	Khoa Cơ Bản
192	Nguyễn Vĩnh Phú	Khoa Cơ Bản

193	Võ Thị Tuyết Vi	Khoa Cơ Bản
194	Ngô Thị Thuận	Khoa Cơ Bản
195	Nguyễn Thị Hồng Nga	Khoa Cơ Bản
196	Nguyễn Trường Sơn	Khoa Điều Dưỡng
197	Hồ Duy Bính	Khoa Điều Dưỡng
198	Võ Thanh Tôn	Khoa Điều Dưỡng
199	Mai Bá Hải	Khoa Điều Dưỡng
200	Đào Nguyễn Diệu Trang	Khoa Điều Dưỡng
201	Dương Thị Ngọc Lan	Khoa Điều Dưỡng
202	Hồ Thị Thùy Trang	Khoa Điều Dưỡng
203	Tôn Nữ Minh Đức	Khoa Điều Dưỡng
204	Trần Thị Nguyệt	Khoa Điều Dưỡng
205	Đặng Thị Thanh Phúc	Khoa Điều Dưỡng
206	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Khoa Điều Dưỡng
207	Võ Thị Nhi	Khoa Điều Dưỡng
208	Phạm Thị Thúy Vũ	Khoa Điều Dưỡng
209	Hoàng Vũ Minh	Khoa RHM
210	Lê Thị Thu Nga	Khoa RHM
211	Nguyễn Toại	Khoa RHM
212	Trần Tấn Tài	Khoa RHM
213	Lê Đức Thịnh	Khoa RHM
214	Nguyễn Văn Minh	Khoa RHM
215	Trần Xuân Phương	Khoa RHM
216	Trần Thiện Mẫn	Khoa RHM
217	Hoàng Minh Phương	Khoa RHM
218	Đặng Minh Huy	Khoa RHM
219	Lê Văn Nhật Thắng	Khoa RHM
220	Võ Khắc Tráng	Khoa RHM
221	Cung Thiện Hải	Khoa RHM
222	Nguyễn Thanh Minh	Khoa RHM
223	Phạm Nữ Như Ý	Khoa RHM
224	Hoàng Anh Đào	Khoa RHM
225	Phan Anh Chi	Khoa RHM
226	Nguyễn Ngọc Tâm Đan	Khoa RHM
227	Nguyễn Thị Thanh Hoàng	Khoa RHM
228	Nguyễn Thị Thùy Dương	Khoa RHM
229	Châu Ngọc Phương Thanh	Khoa RHM
230	Lê Thị Quỳnh Thư	Khoa RHM
231	Lê Hà Thùy Nhung	Khoa RHM
232	Lê Nguyễn Thùy Dương	Khoa RHM
233	Trần Thị Huyền Phương	Khoa RHM
234	Nguyễn Thị Nhật Vy	Khoa RHM
235	Nguyễn Gia Kiều Ngân	Khoa RHM
236	Nguyễn Đức Quỳnh Trang	Khoa RHM

237	Nguyễn Thị Phương Thảo	Khoa RHM
238	Nguyễn Lê Minh Trang	Khoa RHM
239	Hồ Xuân Anh Ngọc	Khoa RHM
240	Đỗ Phan Quỳnh Mai	Khoa RHM
241	Nguyễn Thị Hải Trinh	Khoa RHM
242	Trần Thị Tố Uyên	Khoa RHM
243	Trần Thị Quỳnh Như	Khoa RHM
244	Lê Mỹ Hương	Khoa RHM
245	Lê Thị Khánh Huyền	Khoa RHM
246	Đoàn Văn Minh	Khoa YHCT
247	Nguyễn Ngọc Lê	Khoa YHCT
248	Đoàn Thị Nhật Lệ	Khoa YHCT
249	Nguyễn Quang Tâm	Khoa YHCT
250	Nguyễn Thiện Phước	Khoa YHCT
251	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa YHCT
252	Nguyễn Văn Hưng	Khoa YHCT
253	Nguyễn Thị Hương Lam	Khoa YHCT
254	Lê Thị Thu Thảo	Khoa YHCT
255	Lê Thị Minh Thảo	Khoa YHCT
256	Nguyễn Văn Hùng	Khoa YTCC
257	Nguyễn Thị Hường	Khoa YTCC
258	Trần Bình Thắng	Khoa YTCC
259	Trần Thị Táo	Khoa YTCC
260	Trần Thị Mai Liên	Khoa YTCC
261	Võ Văn Thắng	Khoa YTCC
262	Lê Đình Dương	Khoa YTCC
263	Trần Đại Tri Hân	Khoa YTCC
264	Trần Xuân Minh Trí	Khoa YTCC
265	Đặng Cao Khoa	Khoa YTCC
266	Võ Minh Hoàng	Khoa YTCC
267	Đoàn Vương Diễm Khánh	Khoa YTCC
268	Hoàng Thị Bạch Yến	Khoa YTCC
269	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Khoa YTCC
270	Nguyễn Hoàng Thùy Linh	Khoa YTCC
271	Võ Nữ Hồng Đức	Khoa YTCC
272	Bùi Thị Phương Anh	Khoa YTCC
273	Nguyễn Thị Đăng Thư	Khoa YTCC